

CÔNG TY TNHH SD

Số:01MT/CV-SD
V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường
của cơ sở Nhà máy sản xuất đồ chơi
cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Tho, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho

1. Chúng tôi là Công ty TNHH SD, Chủ cơ sở Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD thuộc mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho.

2. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH SD: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Địa điểm thực hiện cơ sở: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200384637 đăng ký lần đầu ngày 02/4/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19/5/2022.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH SD: Ông Nguyễn Văn Dũng, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Điện thoại: 02733854480; Fax: 02733854479; E-mail: vp04@sdwoodentoy.com.

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Ông Hà Văn Bằng, Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát. Điện thoại: 0918634337; Email: ql07@sdwoodentoy.com.

Chúng tôi xin gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong tài liệu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho xem xét cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ CƠ SỞ
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY TNHH SD

---oOo---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ CHƠI CHO
TRẺ EM VÀ ĐỒ GIA DỤNG BẰNG GỖ SD**

Địa điểm cơ sở: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

**CHỦ CƠ SỞ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN DŨNG

Thành phố Mỹ Tho, tháng 11 năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở:	1
2. Tên cơ sở:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	4
4.1. Nhu cầu nguyên liệu:	4
4.2. Điện năng:	4
4.3. Hóa chất:	4
4.4. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước	4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	6
Chương II	8
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,	8
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	8
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	8
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	8
Chương III	11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	11
1.2. Thu gom, thoát nước thải	11
1.3. Xử lý nước thải	12
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	20
2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển	20
2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất	21
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	25

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	25
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	26
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27
6.1. Sự cố cháy nổ	27
6.2. Sự cố hệ thống xử lý nước thải và khí thải.....	27
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.....	27
Chương IV	28
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	28
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	28
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	29
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	30
Chương V.....	31
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	31
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	31
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:.....	31
Chương VI	32
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	33
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	33
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	33
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	33
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	33
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:.....	33
Chương VII.....	34
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	34
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	34
Chương VIII.....	35
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	35
PHỤ LỤC BÁO CÁO	36

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CO ₂	:	Cacbon đioxit
CO	:	Cacbon oxit
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
NĐ-CP	:	Nghị định – Chính Phủ
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TSS	:	Hàm lượng chất rắn lơ lửng
SO ₂	:	Lưu huỳnh đioxit
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình chính	6
Bảng 2. 1. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận, sức chịu tải	10
Bảng 3. 1. Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải.....	14
Bảng 3. 2. Danh mục máy móc, thiết bị được lắp đặt tại HTXLNT	15
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý bụi.....	21
Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý hơi dung môi.....	23
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	25
Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải nguy hại	25
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	28
Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01	29
Bảng 4. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 02.....	30
Bảng 4. 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 03.....	30
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.....	31
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải lò hơi	32
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải hơi dung môi	32
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải lò hơi	32

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình sản xuất đồ chơi gỗ.....	2
Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sơ chế gỗ	3
Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	11
Hình 3. 2. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước thải tại cơ sở	11
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở	13
Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi.....	21
Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn sơn	22
Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi của cơ sở	24

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Công ty TNHH SD
- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Văn Dũng, Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 02733854480; Fax: 02733854479; E-mail: vp04@sdwoodentoy.com.
- Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200384637 đăng ký lần đầu ngày 02/4/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19/5/2022.

2. Tên cơ sở:

- Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD
- Địa điểm cơ sở: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tứ cận tiếp giáp như sau:
 - + Phía Đông một giáp với Kênh Nam Vang,
 - + Phía Tây giáp với đất vườn của hộ dân
 - + Phía Nam giáp với đất vườn của hộ dân
 - + Phía Bắc giáp với đường đi công cộng
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1958/TD-PCCC ngày 07/6/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5556/GXN-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 219/GP-UBND ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 281/GP-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở Nhóm C, có tổng vốn đầu tư 13,33 tỷ đồng; tổng diện tích đất sử dụng 19.505,2m².

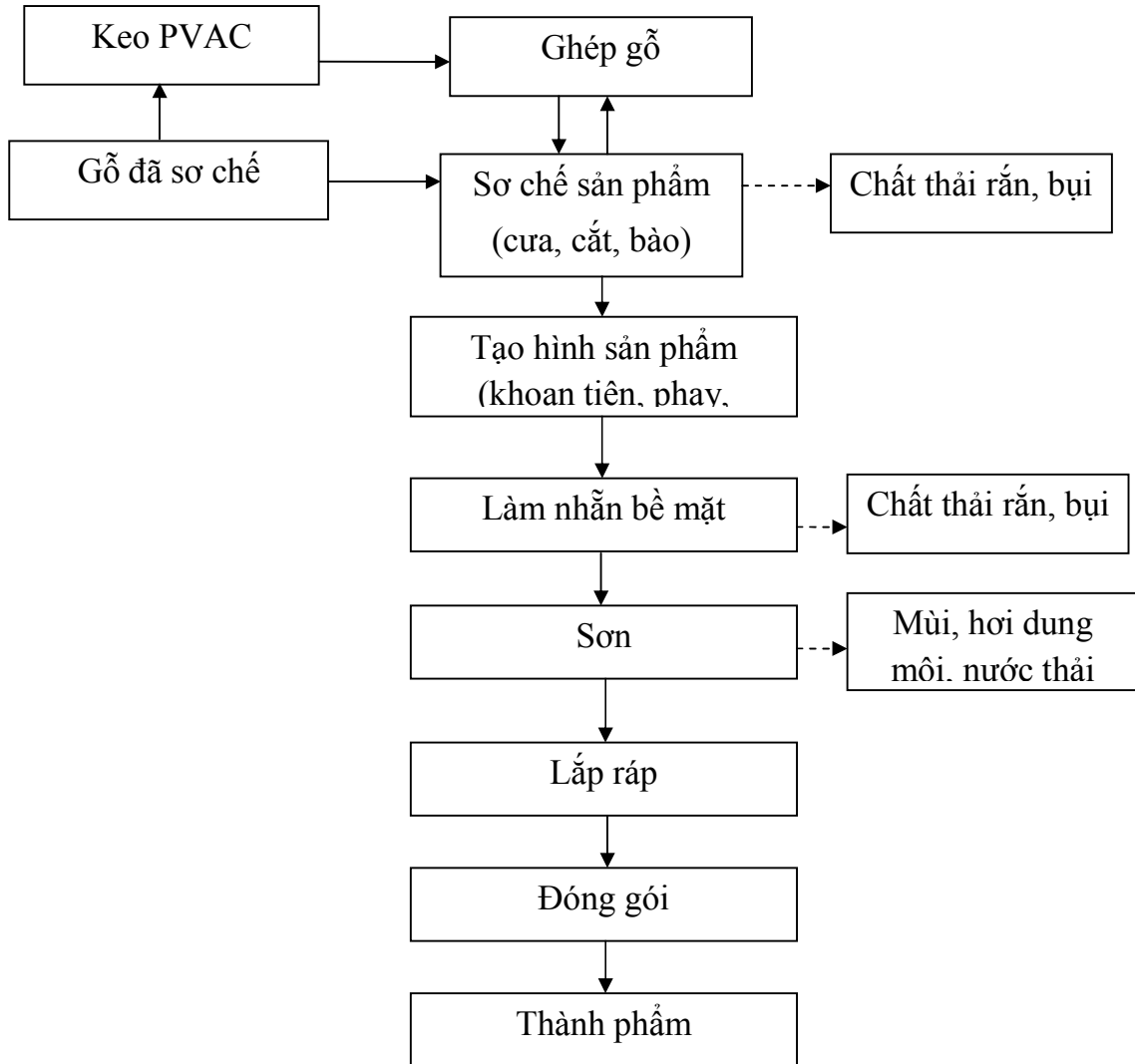
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Sản xuất các mặt hàng bằng gỗ công suất 650m³ thành phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

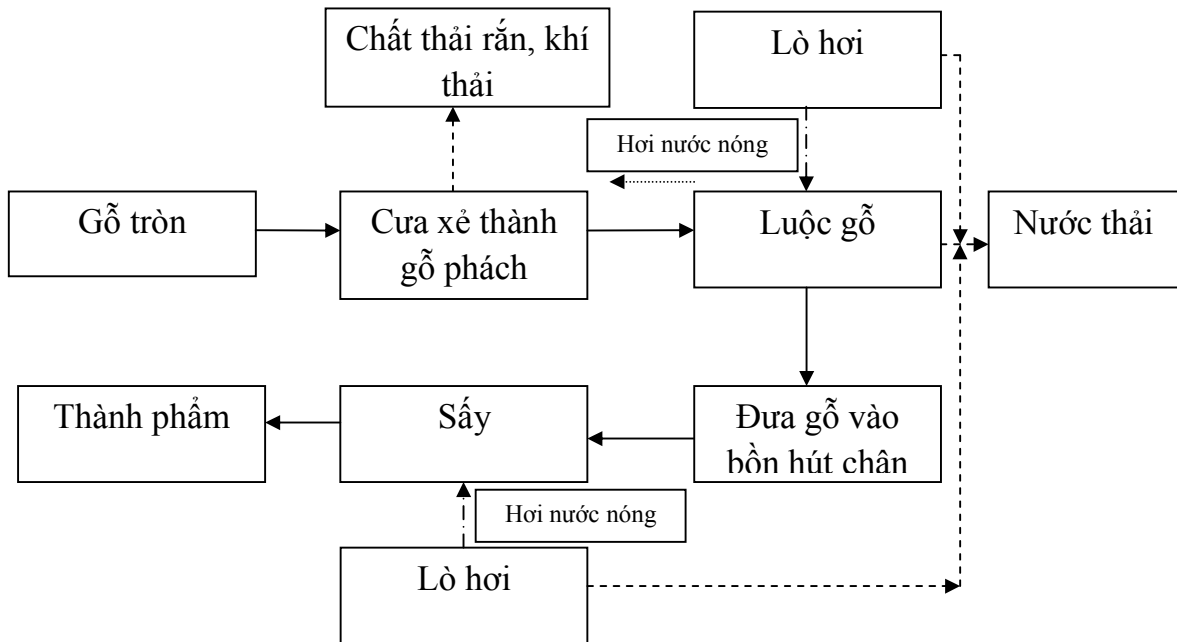
Quy trình sản xuất đồ chơi bằng gỗ:



Hình 1. 1.Sơ đồ quy trình sản xuất đồ chơi gỗ

Thuyết minh quy trình: Gỗ nguyên liệu thô được sơ chế qua khâu cưa, cắt, bào, ghép gỗ, tạo hình sản phẩm, mài láng. Sau đó được tinh chế qua khâu làm nhẵn bề mặt, chà trám và sơn màu, sơn bóng, in lụa cho sản phẩm. Cuối cùng lắp ráp và bao bì thành phẩm.

Quy trình sấy sơ chế gỗ:



Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sơ chế gỗ

Thuyết minh quy trình

+ Gỗ dạng tròn (lóng tròn) được đưa vào xưởng cưa và sắp xếp theo từng loại cây. Gỗ tròn sẽ được xẻ thành phách theo quy cách đi tuần tự từ máy cưa CD, máy cưa dọc, máy cưa cắt ngang. Gỗ cưa xong theo quy cách sẽ được xếp vào lồng có đánh số, số lượng thanh theo từng kích thước. Gỗ khi xuất khỏi xưởng cưa sẽ được đưa vào xưởng sấy để thực hiện công đoạn đầu tiên là luộc gỗ. Nước bồn luộc được gia nhiệt từ hơi bão hòa và hơi nước hoàn lưu sau sấy. Thời gian chuẩn bị nước luộc khoảng 2 giờ/bồn.

+ Gỗ sau khi luộc xong sẽ được để ráo nước tự nhiên (trong lồng luộc khoảng 5 giờ (có thể 24 giờ), sau đó sẽ đưa vào bồn hút chân không. Sau khi đóng nắp bồn hút và kiểm tra tất cả các vale, bắt đầu tiến hành công đoạn hút chân không trong bồn hút bằng bơm hút..

+ Gỗ sau khi được hút chân không sẽ được xếp trên pallet theo thứ tự số lồng để chuẩn bị đưa vào phòng sấy bằng xe nâng. Gỗ được sấy theo phương pháp đối lưu có tuần hoàn không khí được gia nhiệt. Phòng sấy sử dụng hơi nước bão hòa để gia nhiệt cho gỗ. Nhiệt độ phòng sấy từ 70 – 75°C. Thời gian gỗ cần sấy giao động từ 7-14 ngày tùy theo loại gỗ, kích thước, số lượng gỗ được sấy. Sau khi sấy gỗ phải đạt được độ ẩm từ 10 – 12%.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm đầu ra: Sản xuất các mặt hàng bằng gỗ công suất 650m³ thành phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu nguyên liệu:

Nguyên liệu sử dụng tại cơ sở được thông kê ở Bảng sau:

TT	Loại nguyên liệu	Đơn vị	Lượng sử dụng/năm
1	Gỗ	m ³	1.475
2	Dung môi (Butyl acetate, metanol)	Kg	18.000
3	Sơn (gốc nước, gốc dầu)	Kg	14.500
4	Keo ghép gỗ	Kg	3.620
5	Nguyên phụ liệu khác	Kg	5.000

4.2. Điện năng:

Cơ sở sử dụng điện ước tính khoảng 900.000kWh/năm được cung cấp từ lưới điện Quốc gia do Điện lực Mỹ Tho cung cấp và điện cung cấp từ hệ thống điện sử dụng năng lượng mặt trời đã lắp đặt tại Công ty.

4.3. Hóa chất:

Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

- Chlorine: 15kg/tháng.
- PAC: 300kg/tháng.
- Polymer: 5kg/tháng.
- NaOH: 25kg/tháng.

4.4. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

- Nước cấp sinh hoạt

+ Tổng lượng công nhân viên tối đa 400 người.

+ Một nhân viên sử dụng khoảng 45 lít nước/người cho nhu cầu sinh hoạt (Theo TCXDVN 33/2006: cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế, Bộ xây dựng, 03/2006). Như vậy, có thể tính được lượng nước dùng cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên: Lượng nước dùng cho nhu cầu sinh hoạt tối đa $Q_{CSHTĐ} = 400 \text{ người} \times 45 \text{ (lít/người)} = 18 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Cơ sở phục vụ ăn uống cho công nhân tại nhà ăn bằng suất ăn công nghiệp. Cơ sở không có bếp nấu nên không có nhu cầu nước để phục vụ chế biến thức ăn cho công nhân.

- Nhu cầu nước cấp phục vụ sản xuất:

+ Lượng nước phục vụ sản xuất từ công đoạn luộc gỗ: Cần phải cấp nước 3 lần/ngày lưu lượng nước thay đổi mỗi lần $Q = 2 \text{ m}^3/\text{lần}$.

$$Q_{\text{clg}} = 3 \text{ lần} \times 2 \text{ m}^3/\text{lần} = 6 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Lượng nước phục vụ cho xử lý khí lò hơi: Với kích thước bể chứa nước hấp thụ là 2 m^3 , định kỳ vận hành lò hơi 4 giờ sẽ tiến hành cấp nước mới, trong một ngày làm việc 8 giờ/ngày sẽ tiến hành thay 02 lần. Như vậy nước cấp cho việc xử lý khí thải lò hơi khoảng.

$$Q_{\text{cklh}} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Lượng nước phục vụ cho xử lý khí quá trình sơn: Nhà máy bố trí 6 bồn chứa nước mỗi bồn có thể tích 1 m^3 , mỗi ngày cấp một lần.

$$Q_{\text{crs}} = 6 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Lượng nước cung cấp cho lò hơi: Công suất lò hơi của cơ sở là 1.000 kg/giờ có nghĩa là trong một giờ lò hơi có thể hóa hơi một khối lượng là 1.000kg tương đương khoảng 1 m^3 tới một áp suất nhất định nào đó. Vậy với thời gian làm việc là 8 giờ/ngày và cơ sở sử dụng 1 lò hơi thì lượng nước cấp cho lò hơi có thể được tính như sau:

$$Q_{\text{clh}} = 1 \text{ m}^3/\text{giờ} \times 1 \times 8 \text{ giờ/ngày} = 8 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước tưới mặt đường: Dựa vào tiêu chuẩn nước tưới mặt đường bằng phương pháp thủ công với mặt đường đã hoàn thiện (theo TCXDVN 33: 2006, Bảng 3.3, tiêu chuẩn cho một lần tưới từ 0.4 – 0.5 lít/m², chọn tính toán là 0,5 lít/m²). Với tổng diện tích đường giao thông nội bộ là $3.684,7 \text{ m}^2$, hiện tại khoảng 1 ngày tưới một lần thì lượng nước cần cung cấp là $Q_{\text{ctđ}} = 0.45 \text{ lít/m}^2/\text{lần tưới} \times 3.684,7 \text{ m}^2 = 1.842.35 \text{ lít/lần}$, vào khoảng.

$$Q_{\text{ctđ}} = 2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước làm mát mái nhà xưởng: $Q_{\text{clm}} = 2 \text{ m}^3$ (thực tế).

→ Tổng lượng nước cấp tối đa nhà máy sử dụng trong một ngày là: $Q_{\text{CNCTĐ}} = Q_{\text{CSHTĐ}} + Q_{\text{clg}} + Q_{\text{cklh}} + Q_{\text{crs}} + Q_{\text{clh}} + Q_{\text{ctđ}} + Q_{\text{ctđ}} = 18 + 6 + 4 + 6 + 8 + 2 + 2 = 46 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tương đương $1380 \text{ m}^3/\text{tháng}$.

Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang và hệ thống nước ngầm của công ty

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Các hạng mục công trình chính của cơ sở

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình chính

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)
1	Nhà điều hành	426,5
2	Xưởng sản xuất	3.820
3	Xưởng sấy gỗ	1.498,9
4	Kho gỗ - ván	576
5	Kho thành phẩm bao bì	972
6	Nhà ăn	461
7	Nhà xe văn phòng	108
8	Nhà xe nhân viên	268,8
9	Nhà bảo vệ	14,8

Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Thu gom và thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn trên trần được thu gom bằng máng thu gom về hệ thống cống và hố thu gom bằng bê tông cốt thép, cống thoát nước mưa có đường kính 600mm, hố thu gom có kích thước 800mmx800mmx800mm và đường ống thoát nước mưa của nhà máy sau đó được thoát ra Kênh Nam Vang.

- Thu gom và thoát nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ 2 nhà vệ sinh (nhà vệ sinh khu văn phòng, nhà vệ sinh nhà ăn) của nhà máy được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại kích thước 9 m³ sau đó được dẫn về hố thu gom nước sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống nhựa PVC đường kính 114mm.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí khu sơn được xử lý sơ bộ để loại bỏ cặn và rác trước khi thu gom về hố thu gom nước thải sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống PVC đường kính 114.

+ Nước thải của quá trình luộc gỗ và xử lý khí lò hơi sau khi qua bể lắng được cho tự chảy về hố thu gom nước thải sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống nhựa PVC đường kính 60mm chiều dài 30m

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

- Xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Khu lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom và lưu chứa vào thùng rác nhựa 250 lít (04 thùng), sau đó, tập trung về khu vực chứa rác sinh hoạt khoảng 96m² và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Khu lưu giữ, xử lý chất thải rắn sản xuất: Chất thải rắn sản xuất phát sinh tại cơ sở được thu gom về kho chứa (kho chứa vụn gỗ diện tích 32m², kho chứa mùn cưa, dăm bào diện tích 50m², kho chứa phế liệu sắt thép 60m²) và định kỳ bán phế liệu.

- Khu lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa tại khu chứa CTNH có diện tích 24m². Định kỳ 6 tháng/lần sẽ có đơn vị chức năng đến thu gom xử lý.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước kênh Nam Vang, đối với nguồn nước thải sau xử lý của Cơ sở, chúng tôi thực hiện bằng phương pháp đánh giá gián tiếp theo công thức: $L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$

L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm (kg/ngày)

L_{td} : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông (kg/ngày)

L_{mn} : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông (kg/ngày)

L_{tt} : tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (kg/ngày)

F_s : Hệ số an toàn, từ 0,7 – 0,9, chọn F_s bằng 0,8 để tính toán

NP_{td} : tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông (kg/ngày), phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Cơ sở lựa chọn thông số đánh giá:

- Các thông số để tính toán tải lượng tối đa chất ô nhiễm của nguồn nước tiếp nhận được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

- Các thông số để tính toán tải lượng của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40: 2011/BTNMT.

- Các thông số lựa chọn để đánh giá gồm: BOD₅, COD, TSS.

- Đoạn sông đánh giá: Đoạn kênh Nam Vang chạy qua cơ sở

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt:

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

L_{td} (kg/ngày): tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất ở đoạn sông cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, 3,25m³/s;

C_{qc} (mg/l): giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước quy chuẩn chất lượng nước mặt ứng với mục sử dụng của đoạn sông đang đánh giá, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1;

86,4: hệ số chuyển đổi đơn vị từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Tải lượng của thông số chất lượng nước mặt hiện có trong nguồn nước

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$$

Trong đó:

L_{nn} (kg/ngày): tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy ở đoạn sông cần đánh giá, 3,25m³/s;

C_{nn} (mg/l): kết quả phân tích chất lượng nước mặt

Tổng tải lượng thông số ô nhiễm trong nguồn thải

$$L_{tt} = L_t + L_d + L_n$$

Trong đó:

- L_{tt} (kg/ngày): tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

- L_d (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải diện, bằng 0 do đoạn sông đánh giá không có nguồn thải diện.

- L_n (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải tự nhiên, bằng 0 do đoạn sông đánh giá không có nguồn thải tự nhiên thải vào.

- L_t (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm

$$L_t = C_t * Q_t * 86,4$$

Q_t (m³/s): lưu lượng nước thải lớn nhất của nguồn thải điểm

C_t (mg/l): kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước xả vào đoạn sông

86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Đoạn Kênh Nam Vang chạy qua Cơ sở chỉ có nguồn thải của cơ sở thải vào:

- Lưu lượng nước thải: 35m³/ngày đêm, 0,0041m³/s

- Các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải: COD: 27mg/l, BOD5: 15mg/l, TSS: 40mg/l

Khả năng tiếp nhận nước thải của đoạn kênh Nam Vamg

Bảng 2. 1. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận, sức chịu tải

Thông số	C _{qc} (mg/l)	C _{nn} (mg/l)	C _t (mg/l)	Q _s (m ³ /s)	Q _t (m ³ /s)	L _{td} (kg/ngày)	L _{nn} (kg/ngày)	L _{tt} (kg/ngày)	F _s	L _{tn} (kg/ngày)
BOD ₅	15	9	15	3,25	0,0041	4.212,00	2.527,20	5,31	0,8	1.343,59
COD	30	17	27			8.424,00	4.773,60	9,56		2.912,67
TSS	50	26	40			14.040,00	7.300,80	14,17		5.380,02

Từ kết quả phân tích trên ta thấy giá trị L_{tn} của các thông số ô nhiễm đều đạt giá trị dương. Bên cạnh đó, chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với C_{max}=C×K_q×K_f với K_q=0,9, K_f= 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Từ những nhận định trên cho thấy việc xả nước thải đã xử lý đạt quy chuẩn cho phép của cơ sở là phù hợp với khả năng tiếp nhận của nguồn nước.

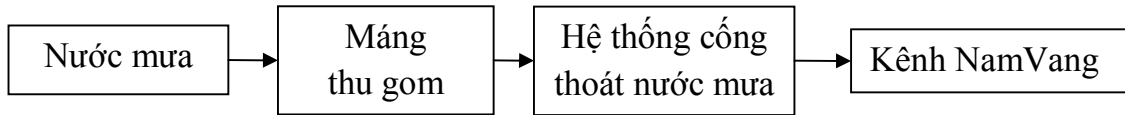
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa



Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

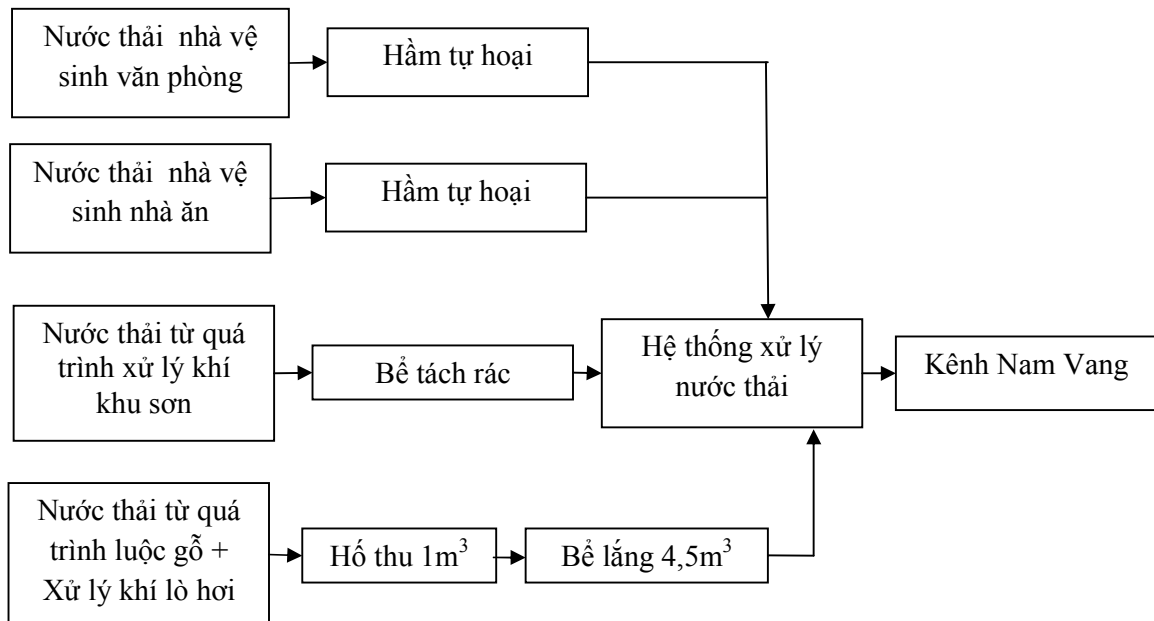
- Mô tả: Nước mưa chảy tràn trên trần được thu gom bằng máng thu gom về hệ thống cống và hố thu gom bằng bê tông cốt thép, cống thoát nước mưa có đường kính 600mm, hố thu gom có kích thước 800mmx800mmx800mm và đường ống thoát nước mưa của nhà máy sau đó được thoát ra Kênh Nam Vang.

- Hệ thống thoát nước mưa của nhà máy có khả năng tiêu thoát nước mưa tốt.

(Mặt bằng hệ thống thu gom nước mưa được thể hiện ở phần phụ lục)

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của nhà máy:



Hình 3. 2. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

Mô tả:

Nước thải phát sinh từ 2 nhà vệ sinh (nhà vệ sinh khu văn phòng, nhà vệ sinh nhà ăn) của nhà máy được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại kích thước 9 m³ sau đó được dẫn về hố thu gom nước sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống nhựa PVC đường kính 114mm.

Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí khu sơn được xử lý sơ bộ để loại bỏ cặn và rác trước khi thu gom về hố thu gom nước thải sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống PVC đường kính 114.

Nước thải của quá trình luộc gỗ và xử lý khí lò hơi sau khi qua bể lắng được cho tự chảy về hố thu gom nước thải sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống nhựa PVC đường kính 60mm chiều dài 30m

(Mặt bằng hệ thống thu gom nước thải được thể hiện ở phần phụ lục)

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý từ bể khử trùng theo đường ống PVC đường kính 60mm, dài khoảng 20 m sau đó đường kính thoát nước tăng dần đường kính 90 mm ống PVC khoảng 25 m vào cống thoát nước mưa có đường kính 600mm, hố thu gom có kích thước 800mmx800mmx800mm và đường ống thoát nước mưa của nhà máy sau đó được thoát ra Kênh Nam Vang.

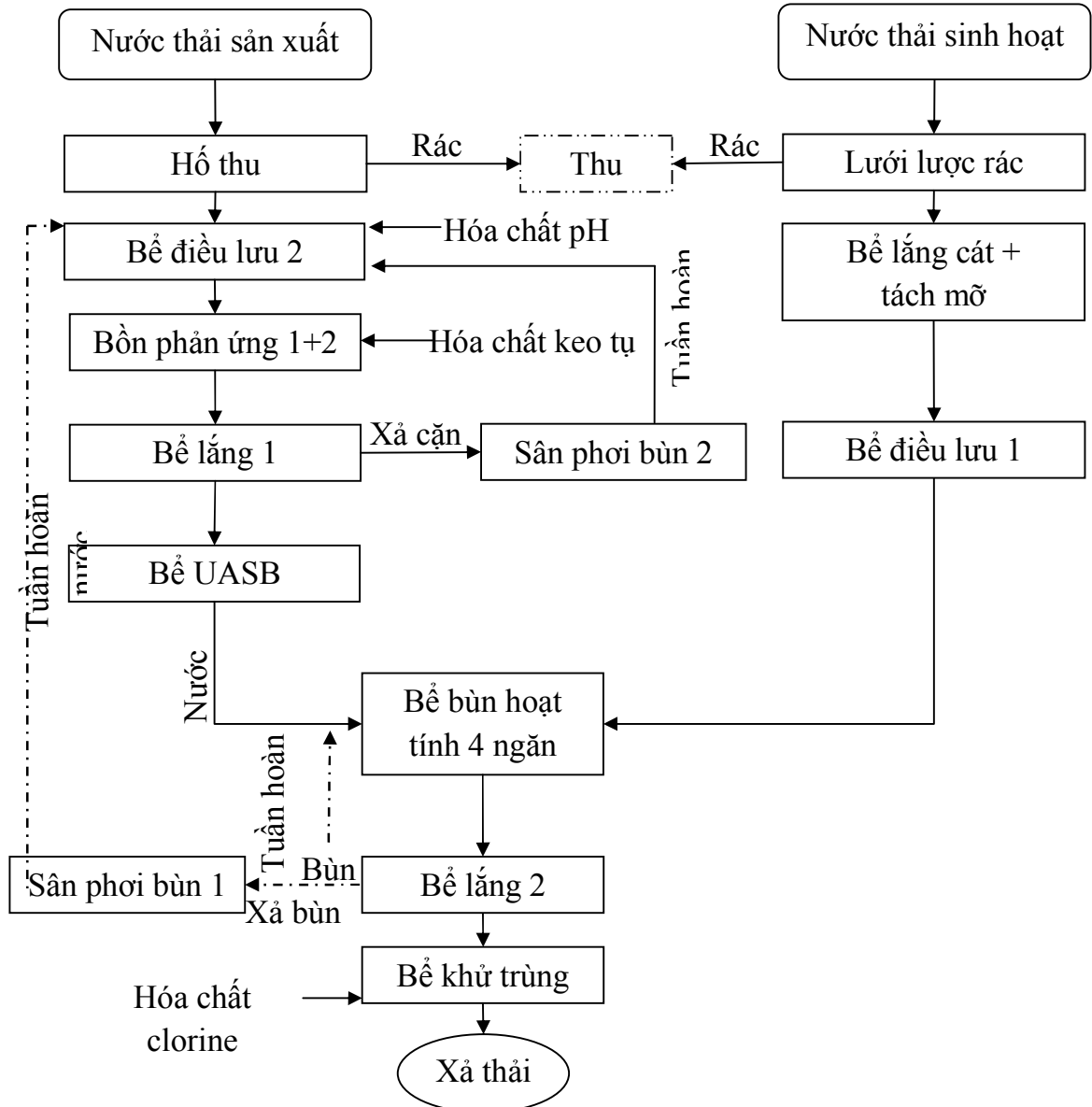
- Điểm xả nước thải sau xử lý: Tại hố thu gom nước mưa trong khuôn viên cơ sở.

1.3. Xử lý nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên khoảng 18m³/ngày.đêm (100% lưu lượng nước cấp) và nước thải công nghiệp khoảng 16m³/ngày.đêm (nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (luộc gỗ) 6m³/ngày.đêm, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4m³/ngày.đêm, xử lý khí thải khu sơn 6m³/ngày.đêm).

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đều được thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý. Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35m³/ngày.đêm với quy trình xử lý nước thải như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD



Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải sản xuất tại công ty sẽ được xử lý sơ bộ trước khi gộp chung xử lý với nước thải sinh hoạt. Đầu tiên, nước thải sẽ được tách rác thô bằng lưới lọc rác rồi cho tự chảy về bể điều lưu 2 để ổn định lưu lượng, nồng độ. Hóa chất điều chỉnh pH sẽ được bơm vào bể để điều chỉnh độ pH nằm trong khoảng 5.5-7. Sau đó, nước thải được bơm lên bể phản ứng 1+2. Tại đây, hóa chất keo tụ và trợ lắng, khử màu được sử dụng để xử lý sơ bộ chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Sau phản ứng nước thải được cho tự chảy về bể lắng 1. Tại đây cặn lắng được lắng xuống đáy do tỷ trọng lớn. Phần cặn này sẽ được định kỳ bơm về sân phơi bùn 2. Phần nước trong phía trên sẽ cho tự chảy về bể UASB (Upflow anaerobic sludge blanket). Tại đây, nước thải sẽ được các vi sinh vật thiếu khí sử

dụng các chất ô nhiễm có trong nước thải để tại sinh khối vi sinh và phân giải chất ô nhiễm tạo thành khí sinh học thoát vào môi trường. Phần nước sau khi qua bể UASB sẽ tiếp tục được xử lý tại bể bùn hoạt tính 4 ngăn chung với nước thải sinh hoạt.

Tương tự như nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt cũng được tách rác bằng lưới lọc rác rồi cho tự chảy về bể lắng cát và tách mỡ để loại bỏ bớt các thành phần rắn có tỷ trọng lớn và mỡ trước khi cho tự chảy về bể điều lưu 1. Tại đây, nước thải được ổn định về lưu lượng và dưỡng chất trước khi được bơm lên bể bùn hoạt tính 4 ngăn có bổ sung giá thể vi sinh (ngăn thiếu khí 1, ngăn hiếu khí 1, ngăn thiếu khí 2, ngăn hiếu khí 2). Đây là loại bể có sự hoạt động của vi sinh vật hiếu khí lơ lửng, kết hợp với vi sinh vật lơ lửng có khả năng phân hủy chất hữu cơ với hiệu suất cao và tạo thành bông cặn giúp loại bỏ lượng chất ô nhiễm trong nước thải. Lượng bông cặn (sinh khối của vi sinh vật hay bùn) sẽ được lắng tại bể lắng. Phần cặn lắng này sẽ được định kỳ bơm hoàn lưu về bể bùn hoạt tính hoặc bơm thải bỏ về sân phơi bùn 1 khi bùn đã ổn định. Phần nước trong bên trên sẽ cho qua bể khử trùng trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q=0,9$, $k_f=1,2$.

Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải

Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 1. Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải

STT	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	Dài (m)	Rộng (m)	Caο (m)	V (m ³)	CHỨC NĂNG/VẬT LIỆU
1	Hồ thu gom 1	1	1	1	1	- Thu gom nước thải sinh hoạt - Vật liệu: bê tông cốt thép
2	Hồ thu gom 2	1	1	1	1	- Thu gom nước thải sản xuất - Vật liệu: bê tông cốt thép
3	Bể điều lưu 2	7,56		1,5	11	- Ổn định lưu lượng và dưỡng chất nước thải sản xuất - Vật liệu: Bê tông cốt thép
4	Bể lắng 1	1	1	4	4	- Lắng cặn - Vật liệu: bê tông cốt thép
5	Bể UASB	3	3	4	36	- Xử lý yếm khí nước thải xử lý COD và BOD ₅ - Vật liệu: Bê tông cốt thép

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	V (m ³)	CHỨC NĂNG/VẬT LIỆU
6	Bể lắng cát + tách mỡ	2,2	1,5	1,5	4,9	- Lắng cặn thô, tách mỡ - Vật liệu: bê tông cốt thép
7	Bể điều lưu 1	4,5	2,2	1,5	14,8	- Điều hòa lưu lượng - Vật liệu: bê tông cốt thép
8	Bể bùn hoạt tính 4 ngăn	5,2	3,6	2,8	43	- Phân hủy chất hữu cơ, N,P - Xử lý BOD ₅ , COD - Vật liệu: bê tông cốt thép
9	Bể lắng 2	1,6	1,6	2,8	7	- Lắng bùn; - Vật liệu: bê tông cốt thép
10	Bể khử trùng	1,6	1,2	1	1,9	- Diệt khuẩn - Vật liệu: tường gạch
11	Sân phơi bùn 2	7,9	2,3	1	18	- Chứa bùn lắng 1 - Vật liệu: tường gạch
12	Sân phơi bùn 1	4	2,3	1	9	- Chứa bùn lắng 2 - Vật liệu: tường gạch
13	Nhà điều hành	3	3	2	-	- Che mưa, nắng cho thiết bị - Vật liệu: tường gạch, mái tole, cửa sắt có cửa sổ thông gió

📌 Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt tại công trình hệ thống xử lý nước thải

Danh mục máy móc, thiết bị được lắp đặt tại HTXLNT được liệt kê tại bảng sau:

Bảng 3. 2. Danh mục máy móc, thiết bị được lắp đặt tại HTXLNT

STT	HẠNG MỤC, THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH	ĐV	SỐ LƯỢNG
1	HÓ THU GOM	1x1x1m	HÓ	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	HẠNG MỤC, THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH	ĐV	SỐ LƯỢNG
1.1	Lưới lọc rác tinh (kích thước lỗ lọc 4mm)	1.2x1m	cái	1
2	BỂ ĐIỀU LƯU 1	14.8 m ³	BỂ	1
2.1	Bơm nước thải			
	Loại bơm:	Bơm chịu ăn mòn	cái	2
	Lưu lượng:	5-7	m ³ /h	
	Cột áp:	3-6	m	
	Công suất motor:	1/3	HP	
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Đài Loan		
3	BỒN PHẢN ỨNG + TẠO BÔNG	0.5m ³	cái	2
3.1	Bơm định lượng hóa chất keo tụ			
	Loại bơm:	Hóa chất	cái	1
	Lưu lượng:	30	l/h	
	Công suất motor:	45	w	
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Mỹ		
	Bệ đỡ bồn phản ứng + tạo bông	2x1.5x1.5	hệ	1
3.2	Bơm định lượng hóa chất chỉnh pH			
	Loại bơm:	Hóa chất	cái	1
	Lưu lượng:	30	l/h	
	Công suất motor:	45	w	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	HẠNG MỤC, THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH	ĐV	SỐ LƯỢNG
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Mỹ		
3.3	Bơm định lượng hóa chất khử màu			
	Loại bơm:	Hóa chất	cái	1
	Lưu lượng:	30	l/h	
	Công suất motor:	45	w	
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Mỹ		
3.4	Bơm định lượng hóa chất tạo bông			
	Loại bơm:	Hóa chất	cái	1
	Lưu lượng:	30	l/h	
	Công suất motor:	45	w	
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Mỹ		
3.5	Đĩa thổi khí khuấy trộn	Đài Loan	cái	2
4	BỂ LẮNG 1	1x1x3m	BỂ	1
4.1	Bơm bùn		cái	1
	Loại bơm:	Bơm chịu ăn mòn		
	Lưu lượng:	5-7	m ³ /h	
	Cột áp:	3-6	m	
	Công suất motor:	1/3	Hp	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	HẠNG MỤC, THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH	ĐV	SỐ LƯỢNG
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Đài Loan		
4.2	Ống phân phối nước trung tâm	Nhựa PVC	cái	1
4	BỂ UASB	2,5x2,5x4m	BỂ	1
4.1	Hệ thu nước và thu khí	composite	bộ	1
	Vi sinh yếm khí đặc chủng	Nam Phát	lít	400
1	BỂ LẮNG CÁT + TÁCH MỠ	2.2x1.5x1.5m	HỒ	
1.1	Lưới lọc rác tinh (kích thước lỗ lọc 4mm)	2.2x1.5m	cái	1
2	BỂ ĐIỀU LƯU 2	11m ³	BỂ	1
2.1	Bơm nước thải			
	Loại bơm:	Bơm chìm	cái	2
	Lưu lượng:	5-7	m ³ /h	
	Cột áp:	3-6	m	
	Công suất motor:	1/3	HP	
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Đài Loan		
3.3	Đĩa thổi khí khuấy trộn	Đài Loan	cái	2
5	BỂ BÙN HOẠT TÍNH 4 NGĂN	4.4x3.6x2.8m	BỂ	1
5.1	Máy thổi khí		Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	HẠNG MỤC, THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH	ĐV	SỐ LƯỢNG
	Lưu lượng:	1,2	m ³ /phút	
	Cột áp:	3	m	
	Công suất motor:	2	Hp	
	Điện áp:	380/220	V	
	Nhà sản xuất:	Japan		
5.2	Đĩa thổi khí	Đài Loan	Cái	24
5.3	Giá thể vi sinh dạng cầu	Việt Nam	m ³	10
	Vi sinh đặc chủng hiếu khí	Nam Phát	lit	400
6	BỂ LẮNG 2	1.6x1.6x2.8m	BỂ	1
6.1	Bơm bùn		cái	1
	Loại bơm:	Bơm chìm		
	Lưu lượng:	5-7	m ³ /h	
	Cột áp:	3-6	m	
	Công suất motor:	1/3	Hp	
	Điện áp:	380/220	V	
	Nhà sản xuất:	Đài Loan		
6.2	Ống phân phối nước trung tâm	Nhựa PVC	cái	1
7	BỂ KHỬ TRÙNG	1.6x1.2x1m	BỂ	
	Bơm định lượng Clorine			
	Loại bơm:	Hóa chất	cái	1
	Lưu lượng:	30	l/h	
	Công suất motor:	0,25	kw	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	HẠNG MỤC, THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH	ĐV	SỐ LƯỢNG
	Điện áp:	220	V	
	Nhà sản xuất:	Mỹ		
8	SÂN PHƠI BÙN	12.2x2.3x1	sân	1
9	NHÀ ĐIỀU HÀNH	3x3x2	cái	1
10	BỒN CHỨA HÓA CHẤT KEO TỤ	0.3 m ³	cái	5
11	HỆ THỐNG ĐIỆN	Tủ điện, đường dây, contactor, relay, đầu cos,...	Bộ	1
12	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	Ống nhựa PVC, co, van, rắc co, van,...	Bộ	1

✚ Khối lượng hóa chất sử dụng:

Khối lượng hóa chất sử dụng để vận hành HTXLNT bao gồm:

- Chlorine: 15 kg/tháng.
- PAC: 300 kg/tháng.
- Polymer: 5kg/tháng.
- NaOH: 25kg/tháng.

✚ Định mức tiêu thụ điện:

Định mức tiêu thụ điện của HTXLNT khoảng 50kWh/ngày.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm được xem là dạng ô nhiễm phân tán dọc theo tuyến đường vận chuyển. Để ngăn ngừa và hạn chế khả năng phát tán bụi, khí thải ra môi trường không khí, Chủ cơ sở yêu cầu đơn vị chủ sở hữu phương tiện thực hiện các biện pháp như sau:

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo khí thải phát sinh an toàn về môi trường trong quá trình vận chuyển.

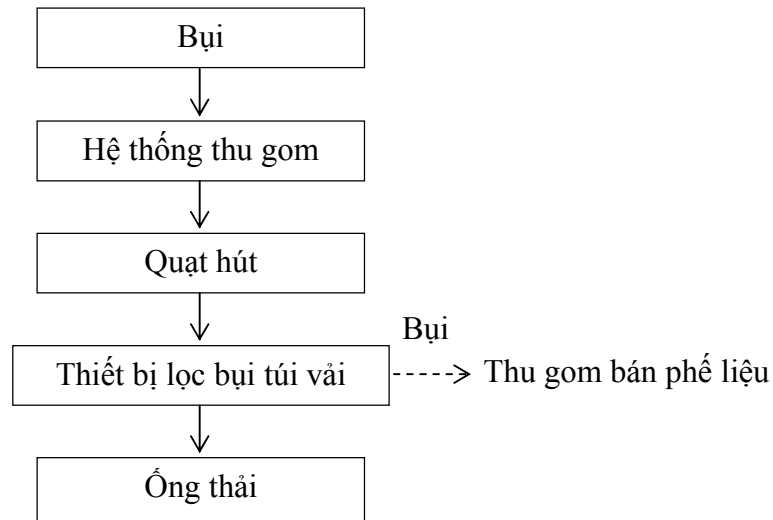
- Xe chở đúng tải trọng, phải được vệ sinh sạch sẽ tránh gây ảnh hưởng mùi trong lúc vận chuyển.

- Kiểm soát và quản lý phương tiện ra vào khu vực cơ sở.

2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

(1) Công trình xử lý bụi từ công đoạn bào, cưa, tiện, khoan CNC, trà trám, mài

Để giảm thiểu lượng bụi phát sinh từ công đoạn công đoạn bào cưa, tiện, khoan CNC, trà trám, mài, Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống để thu gom, xử lý bụi phát sinh tại công đoạn này. Sơ đồ quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi

Thuyết minh quy trình

Dòng khí mang bụi từ các công đoạn của quá trình sản xuất được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom về thiết bị lọc túi vải thông qua quạt hút.

Tại thiết bị lọc bụi túi vải bụi được tách ra khỏi dòng khí, bụi được giữ lại ở túi lọc, khí sạch được thoát ra bên ngoài không thông qua ống thải. Bụi được thu gom về kho chứa và định kỳ bán phế liệu.

Bụi sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B.

Hệ thống xử lý của Công ty đã lắp đặt có công suất 100.000m³/giờ, với các thông số kỹ thuật chính như sau:

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý bụi

Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Số hệ thống	01 hệ thống	Công suất 100.000m ³ /giờ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

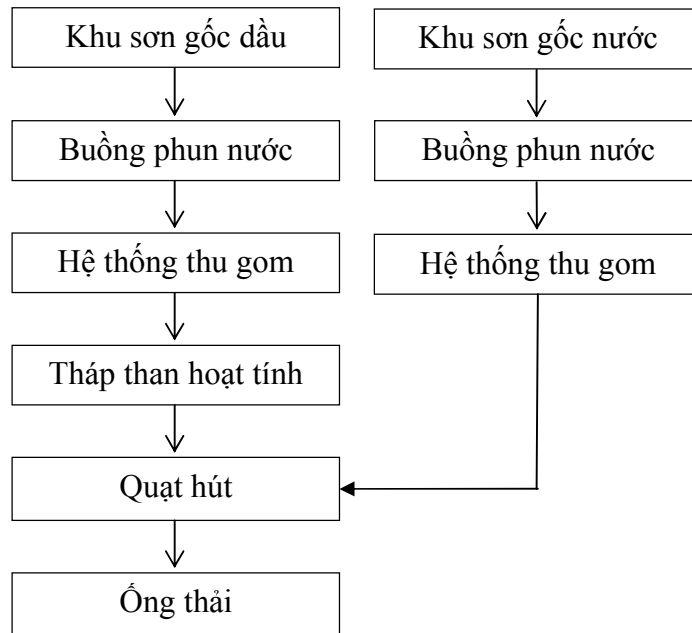
Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Hệ thống thu gom	01 hệ thống	Vật liệu: Nhựa, tole mạ kẽm Đường kính: 100mm, 120mm, 140mm, 150mm, 180mm, 250mm, 280mm, 300mm, 320mm, 350mm, 420mm, 560mm, 750mm, 800mm, 850mm.
Quạt hút	05 cái	01 cái 90kW, 02 cái 45kW, 01 cái 30kW, 01 cái 33kW
Thiết bị lọc bụi túi vải	01 cái	Kích thước tổng thể: (11,8x3,55x9)m Số túi vải lọc: 440 túi, ϕ 200x3m
Ống thải	01 cái	Bằng tole mạ kẽm, hình hộp chữ nhật, kích thước 2,66mx 1,4m, cao 3m (tính từ thiết bị lọc bụi túi vải)

Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng: Không

Định mức tiêu hao điện năng: 1.600kWh/ngày.

(2) Công trình xử lý hơi dung môi từ công đoạn sơn

Để giảm thiểu lượng hơi dung môi phát sinh từ công đoạn sơn Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống để thu gom, xử lý phát sinh tại công đoạn này. Sơ đồ quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn sơn

Thuyết minh quy trình

Hơi dung môi phát sinh tại công đoạn sơn được xử lý qua buồng phun nước rồi qua hệ thống thu gom đến tháp hấp phụ than hoạt tính (khu sơn gốc nước không qua tháp) rồi được quạt hút qua ống thải thải ra môi trường.

Nguyên tắc hoạt động của tháp hấp phụ bằng than hoạt tính là quạt hút sẽ tạo áp suất âm để hút khí thải vào chụp hút theo đường ống đến tháp hấp phụ. Sau khi qua chụp hút, hơi dung môi sẽ được tiếp xúc với lớp vật liệu hấp phụ.

Thông qua cấu trúc bề mặt với các lỗ chân lông bẫy khí và hấp phụ khí. Cấu tạo than hoạt tính bao gồm 6 nguyên tử các bon được sắp xếp không theo trật tự. Vì vậy hình thành lên các lỗ trống phân tử khá phức tạp, không đồng đều. Do đó, tháp hấp phụ bằng than hoạt tính có thể loại bỏ các hơi dung môi.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 20: 2009/BTNMT.

Hệ thống xử lý của Công ty đã lắp đặt có công suất 30.000m³/giờ, với các thông số kỹ thuật chính như sau:

Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý hơi dung môi

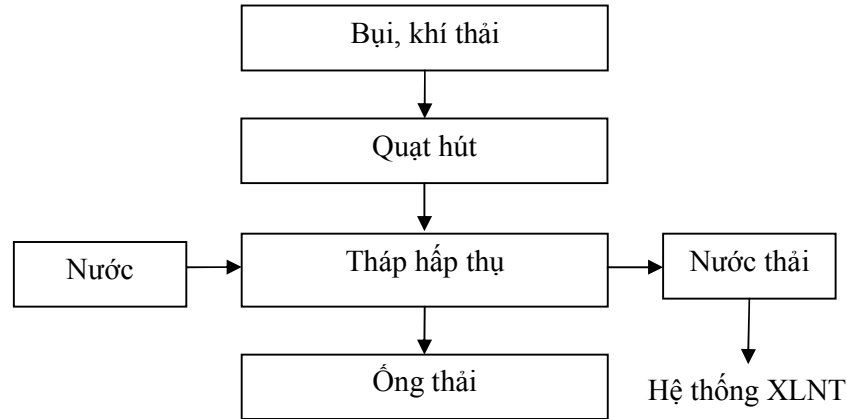
Tên thiết bị, máy móc	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Số hệ thống	01 hệ thống	Công suất 30.000m ³ /giờ
Hệ thống thu gom	01 hệ thống	Vật liệu: tole mạ kẽm Đường kính: 600mm
Buồng phun nước	06 cái	Tole mạ kẽm (2mx1mx3m)
Tháp than hoạt tính	05 cái	Tole mạ kẽm (1,5mx0,6mx1,7m)
Quạt hút	07 cái	Công suất: 15kW
Ống thải	01 cái	Bằng tole mạ kẽm, hình trụ tròn φ1,3m, cao 9m (tính từ mặt đất)

Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng: Không

Định mức tiêu hao điện năng: 840kWh/ngày.

(3) Công trình xử lý bụi, khí thải từ lò hơi

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống để thu gom, xử lý phát sinh tại lò hơi. Sơ đồ quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi của cơ sở

Thuyết minh quy trình xử lý khí thải:

Khói thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo quạt hút dẫn qua tháp hấp thụ nhằm để hấp thụ các loại khí độc hại sinh ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như SO_x , NO_x ,... bằng dung dịch hấp thụ (nước) được cung cấp từ hệ thống bơm định lượng.

Khí SO_2 sẽ tác dụng với dung dịch hấp thụ theo phương trình phản ứng sau: $SO_2 + H_2O \rightarrow H_2SO_3$

Hấp thụ khí độc hại bằng chất lỏng là quá trình hòa tan chất khí trong chất lỏng khi chúng tiếp xúc với nhau. Cơ cấu của quá trình này chia thành ba bước:

- Khuếch tán các phân tử chất ô nhiễm thể khí trong khối khí thải đến bề mặt của chất lỏng hấp thụ.
- Thẩm nhập và hòa tan chất khí vào bề mặt của chất hấp thụ.
- Khuếch tán chất khí đã hòa tan trên bề mặt ngăn cách vào sâu trong lòng khối chất lỏng hấp thụ.
- Tại tháp hấp thụ dung dịch hấp thụ (nước) được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc, khí thải chứa SO_x , NO_x được dẫn từ dưới đi lên quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng. Khí đi ra khỏi thiết bị hấp thụ theo ống khói và thải ra ngoài.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B.

Hệ thống xử lý của Công ty đã lắp đặt có công suất $10.000m^3$ /giờ, với các thông số kỹ thuật chính như sau:

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Tên thiết bị, máy móc	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Số hệ thống	01 hệ thống	Công suất 10.000m ³ /giờ
Quạt hút	01 cái	5kW
Tháp hấp thụ	01 cái	Tole mạ kẽm (1,7mx1,7mx1,2m)
Ống thải	01 cái	Bằng tole mạ kẽm, hình trụ tròn ϕ 350mm, cao 20m (tính từ mặt đất)

Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng: Sử dụng nước để hấp thụ

Định mức tiêu hao điện năng: 40kWh/ngày.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với CTR sinh hoạt: CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở ước tính khoảng 200kg/ngày. Chủ cơ sở trang bị 04 thùng rác nhựa 240 lít để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở và tập trung về khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường không thể tái chế diện tích 96m² (kết cấu: nền bê tông, không vách, mái lợp tole), CTR sẽ được đơn vị thu gom rác địa phương đến thu gom định kỳ (Hợp đồng số 08/2022/HĐVSKL ngày 08/12/2021).

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 330kg/ngày, gồm: mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn, củi bìa, mặt cưa, bao bì, sắt thép phế liệu từ quá trình bảo trì.... Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở được thu gom về kho chứa (kho chứa vụn gỗ diện tích 32m², kho chứa mùn cưa, dăm bào diện tích 50m², kho chứa phế liệu sắt thép 60m²) và định kỳ bán cho cơ sở thu mua.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở gồm:

Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	60
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	350

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	100
4	Cặn sơn thải	Rắn	08 01 01	4.500
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	150
6	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	18 01 03	350
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	120104	500
Tổng cộng				6.010

CTNH phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom, phân loại và lưu chứa trong 08 thùng chứa bằng sắt loại 220l tại kho chứa CTNH 24m² (kết cấu: nền bê tông, tường gạch, mái lợp tole, cửa sắt). Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng mang đi xử lý theo đúng quy định (Hợp đồng số 379HĐ.MTNB/VAE-2022 ngày 03/5/2022)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các máy móc trong nhà xưởng đều là thiết bị hiện đại và vận hành bằng điện nên cũng hạn chế được tiếng ồn.

🔧 Giảm thiểu tiếng ồn từ các máy móc thiết bị sản xuất:

- Bố trí các máy móc một cách hợp lý, đối với các thiết bị phát sinh ồn cần lắp các đệm cao su để giảm chấn và bố trí ở khu vực riêng.
- Định kỳ bảo dưỡng bôi trơn dầu mỡ vào các máy móc thiết bị để máy hoạt động êm, hạn chế phát sinh tiếng ồn, rung.
- Công nhân sẽ được trang bị bịt tai khi làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

🔧 Giảm thiểu tiếng ồn cho phương tiện vận chuyển

Để giảm tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông, công ty yêu cầu công nhân, tài xế hạn chế xử lý còi trong khu vực Công ty. Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện vận chuyển tại cơ sở.

🔧 Đối với nguồn ồn từ sinh hoạt của công nhân

Nhà xưởng sẽ ban hành nội quy làm việc, thường xuyên nhắc nhở công nhân không được đùa giỡn khi làm việc, ngoài việc hạn chế được nguồn ồn còn có thể hạn chế được tai nạn lao động.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố cháy nổ

Thực hiện các biện pháp pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn phê duyệt theo phương án phòng cháy chữa cháy đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Tiền Giang phê duyệt ngày 09/12/2020 và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1958/TD-PCCC ngày 07/6/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang.

6.2. Sự cố hệ thống xử lý nước thải và khí thải

Để phòng chống sự cố về hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải, nước thải gặp sự cố, chủ cơ sở báo ngay cho đơn vị cung cấp và tập trung mọi nguồn lực tiến hành khắc phục sự cố, hoặc liên hệ với cơ quan chức năng về môi trường và các sự cố để có biện pháp xử lý kịp thời. Chủ cơ sở sẽ cam kết không xả chất thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận trong trường hợp gặp sự cố.
- Khi các tiêu chuẩn phân tích vượt quy chuẩn mà nguyên nhân vượt quá khả năng tự điều chỉnh, khắc phục của nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố cần có thời gian khắc phục kéo dài công ty sẽ có công văn thông báo tình hình sự cố hiện đang xảy ra đến cơ quan chức năng để được hỗ trợ về kỹ thuật và thời gian khắc phục.
- Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý khí thải, nước thải kéo dài sẽ ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong mới cho hoạt động trở lại.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt $18\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- + Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp $16\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ bao gồm nước thải từ quá trình luộc gỗ $6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi $4\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, xử lý khí thải khu sơn $6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: $34\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải, nước thải sau khi qua hệ thống xử lý từ bể khử trùng theo đường ống PVC đường kính 60mm, dài khoảng 20 m sau đó đường kính thoát nước tăng dần đường kính 90 mm ống PVC khoảng 25 m vào cống thoát nước mưa có đường kính 600mm, hố thu gom có kích thước $800\text{mm}\times 800\text{mm}\times 800\text{mm}$ và đường ống thoát nước mưa của nhà máy sau đó được thoát ra Kênh Nam Vang.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$)
1	pH	-	6 – 9
2	BOD5	mg/l	32,4
3	COD	mg/l	81
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
6	Sunfua	mg/l	0,216
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4
8	Tổng N	mg/l	21,6
9	Tổng P (tính theo P)	mg/l	4,32

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD

10	Clo dư	mg/l	1,08
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 6°); X(m) = 1145339; Y(m) = 570146.

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy, liên tục 24h

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở và dẫn thoát ra kênh Nam Vang

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải: Bụi từ các công đoạn bào, cưa, tiện, khoan CNC, trà trám, mài, hơi dung môi từng công đoạn sơn, bụi, khí thải lò hơi.

+ Nguồn số 1: Bụi từ các công đoạn bào, cưa, tiện, khoan CNC, trà trám, mài, lưu lượng 100.000m³/h.

+ Nguồn số 2: Hơi dung môi từ công đoạn sơn, lưu lượng 30.000m³/h

+ Nguồn số 3: Bụi và khí thải từ lò hơi, lưu lượng 10.000m³/h.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 140.000m³/giờ ; 1.120.000m³/ngày.đêm (ngày hoạt động 08 giờ).

- Dòng khí thải: 03 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải :

+ Dòng số 01 : Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi công đoạn bào, cưa, tiện, khoan CNC, trà trám, mài;

+ Dòng số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý hơi dung môi tại công đoạn sơn.

+ Dòng số 03: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	200

**Bảng 4. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo
dòng khí thải số 02**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT
1	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	950
2	Styren	mg/Nm ³	100
3	Xylen	mg/Nm ³	870

**Bảng 4. 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo
dòng khí thải số 03**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả khí thải:

- ✓ Dòng số 01 : Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý bụi công đoạn bào, cưa, tiện, khoan CNC, trà trám, mài, tóa độ vị trí xả thải: X(m): 1145403, Y(m): 569937.
- ✓ Dòng số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý hơi dung môi tại công đoạn sơn, tóa độ vị trí xả thải: X(m): 1145416, Y(m): 569884
- ✓ Dòng số 03: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tóa độ vị trí xả thải: X(m): 1145467, Y(m): 569937

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 6⁰)

+ Phương thức xả thải: Xả gián đoạn 08h/ngày.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải 01 năm gần nhất như sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$)
			6/2022	10/2022	
1	pH	-	7,10	7,02	6 – 9
2	BOD5	mg/l	18	14,7	32,4
3	COD	mg/l	37	24	81
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45	15	54
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	5,4
6	Sunfua	mg/l	KPH	0,13	0,216
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	<3	0,21	5,4
8	Tổng N	mg/l	15,5	10	21,6
9	Tổng P (tính theo P)	mg/l	0,18	0,8	4,32
10	Clo dư	mg/l	KPH	KPH	1,08
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	2.500	2.600	3.000

Nhận xét: Từ kết quả ở bảng trên cho thấy nước thải sau hệ thống xử lý ở đợt quan trắc của 01 năm gần nhất nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi như sau:

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải lò hơi

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	47	200
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	528	1.000
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	12	500
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	151	850

Nhận xét: Từ kết quả ở bảng trên cho thấy khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi như sau:

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải hơi dung môi

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
1	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	KPH	950
2	Styren	mg/Nm ³	KPH	100
3	Xylen	mg/Nm ³	KPH	870

Nhận xét: Từ kết quả ở bảng trên cho thấy khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi sau hệ thống xử lý bụi các công đoạn sản xuất như sau:

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải lò hơi

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	38	200

Nhận xét: Từ kết quả ở bảng trên cho thấy bụi sau hệ thống xử lý bụi nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải:

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Tần suất: 06 tháng/lần.

+ Chỉ tiêu quan trắc: pH, TSS, BOD₅, COD, Dầu mỡ khoáng, tổng Nito, Tổng Photpho, Coliforms, Amoni, Sunfua, Clo dư.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$).

- Quan trắc khí thải:

Stt	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất	QCVN
1	Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi (1 vị trí)	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x	06 tháng/ lần	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B
2	Sau hệ thống xử lý bụi (1 vị trí)	Bụi tổng		
3	Sau hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn sơn (1 vị trí)	n-Butyl axetat, Styren, Xylen	01 năm/ lần	QCVN 20:2009/BTNMT

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: Không

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Kinh phí trực tiếp thực hiện là vốn do Chủ cơ sở khoảng 20.000.000 đồng/năm.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

(Từ khi đi vào hoạt động đến nay cơ sở chưa có thanh, kiểm tra)

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH SD cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty TNHH SD cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải và khí thải;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản vẽ mặt bằng thu gom thoát nước mưa, nước thải;
- Phụ lục hợp đồng số 01032020B (thu mua mùn cưa, dăm bào, củi, mặt cưa tươi)
 - Hợp đồng số 08/2022/HĐVSKL ngày 08/12/2021 Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt.
 - Hợp đồng số 379HĐ.MTNB/VAE-2022 ngày 03/5/2022 Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
 - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1958/TD-PCCC ngày 07/6/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang.
 - Phương án phòng cháy chữa cháy của Công ty đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Tiền Giang phê duyệt ngày 09/12/2020
 - Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5556/GXN-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho
 - Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 219/GP-UBND ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.
 - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 281/GP-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1200384637

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 04 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 19 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SD CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu phố 3, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0273-3854480

Fax: 0273-3854479

Email: vp04@sdwoodentoy.com

Website: www.sdwoodentoy.com

3. Vốn điều lệ

13.333.333.000 đồng

Bằng chữ: Mười ba tỷ ba trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	Việt Nam	Số 4/2 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	6.600.000.000	49,500	082058004809	
2	MAI THỊ SƯƠNG	Việt Nam	Số 4/2 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	1.800.000.000	13,500	310176565	

3	NGUYỄN MAI THỦY DUYÊN	Việt Nam	Số 4/2 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	1.800.000.000	13,500	082187019308
4	NGUYỄN MINH ĐĂNG	Việt Nam	Số 4/2 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	1.800.000.000	13,500	082094009680
5	CÔNG TY TƯ NHÂN SKUFFEN APS		Reventlowsgade 28, 2. th DK - 1651 Kobenhavn V, Đan Mạch	1.333.333.000	10,000	CVR- nr.30606442

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *14/02/1958*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *082058004809*

Ngày cấp: *10/08/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 4/2 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền
Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 4/2 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang,
Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Trí Đức

1. Thửa đất: 8

- a) Thửa đất số: 165 . tờ bản đồ số: 8
- b) Địa chỉ: Khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- c) Diện tích: 19505,2m² (bằng chữ: Mười chín nghìn năm trăm linh năm phẩy hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 07/07/2066
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà điều hành	426,5	881,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Xương sản xuất	3820,0	3820,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Xương sấy gỗ	1498,9	1498,9	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Kho gỗ - vữa	576,0	576,0	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Kho thanh phẩm bao bì	972,0	972,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà ăn	461,0	461,0	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xe vận phòng	108,0	108,0	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xe di tản viên	268,8	268,8	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà bảo vệ	14,8	14,8	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-

4. Riêng sản xuất là rừng trồng: -/-

Tiền Giang, ngày 16, tháng 7, năm 2018

5. Căn bản năm: -/-

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TIỀN GIANG/VĂN GIẢM ĐỐC

GIẢM ĐỐC



Phạm Văn Trọng



- CHI CHỈ:**
- ① Nhà điều hành
 - ② Xương sản xuất
 - ③ Xương sấy gỗ
 - ④ Kho gỗ - vữa
 - ⑤ Kho thanh phẩm bao bì
 - ⑥ Nhà ăn
 - ⑦ Nhà xe vận phòng
 - ⑧ Nhà xe di tản viên
 - ⑨ Nhà bảo vệ

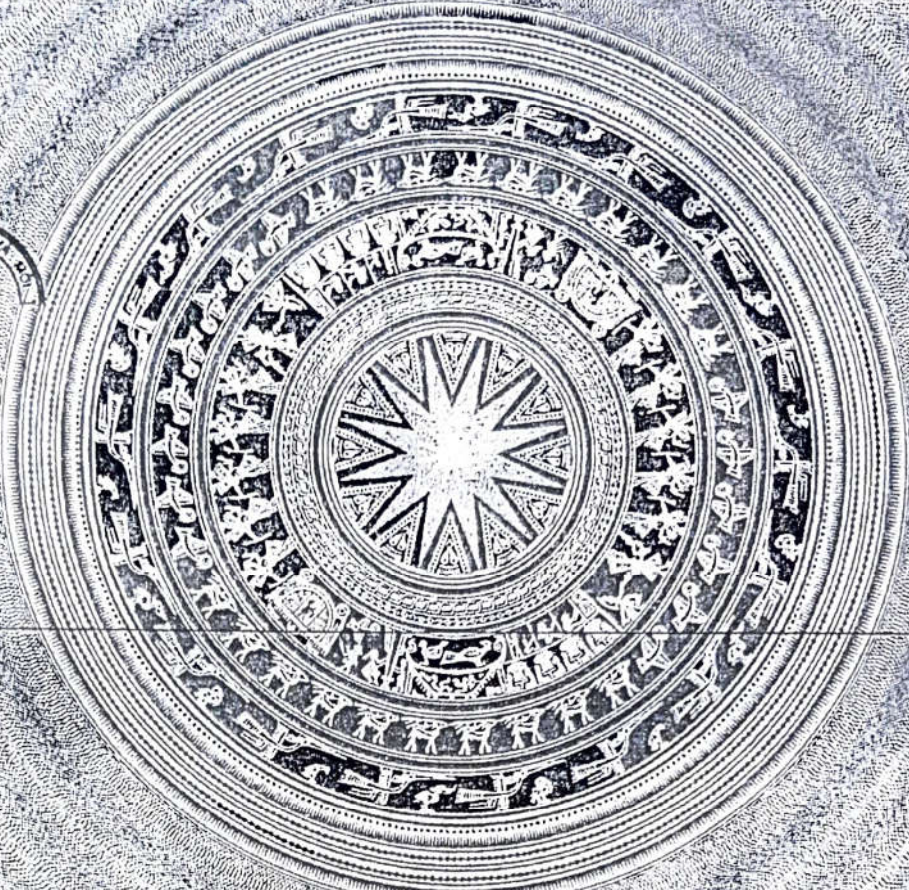
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Công ty tách ra khỏi khu vực sản xuất của đơn vị kinh doanh, chuyển công ty tách ra khỏi khu vực sản xuất của đơn vị kinh doanh, chuyển công ty tách ra khỏi khu vực sản xuất của đơn vị kinh doanh, chuyển công ty tách ra khỏi khu vực sản xuất của đơn vị kinh doanh.	GIẢM ĐỐC YẾN PHONG ĐANG KÝ DẤU ĐAI

Nguyễn Văn Sơn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Kèm theo Giấy chứng nhận không được sử dụng lấy visa hoặc hồ
sơ lý xin thị thực nhập cảnh của Công an Cảnh sát Quốc gia

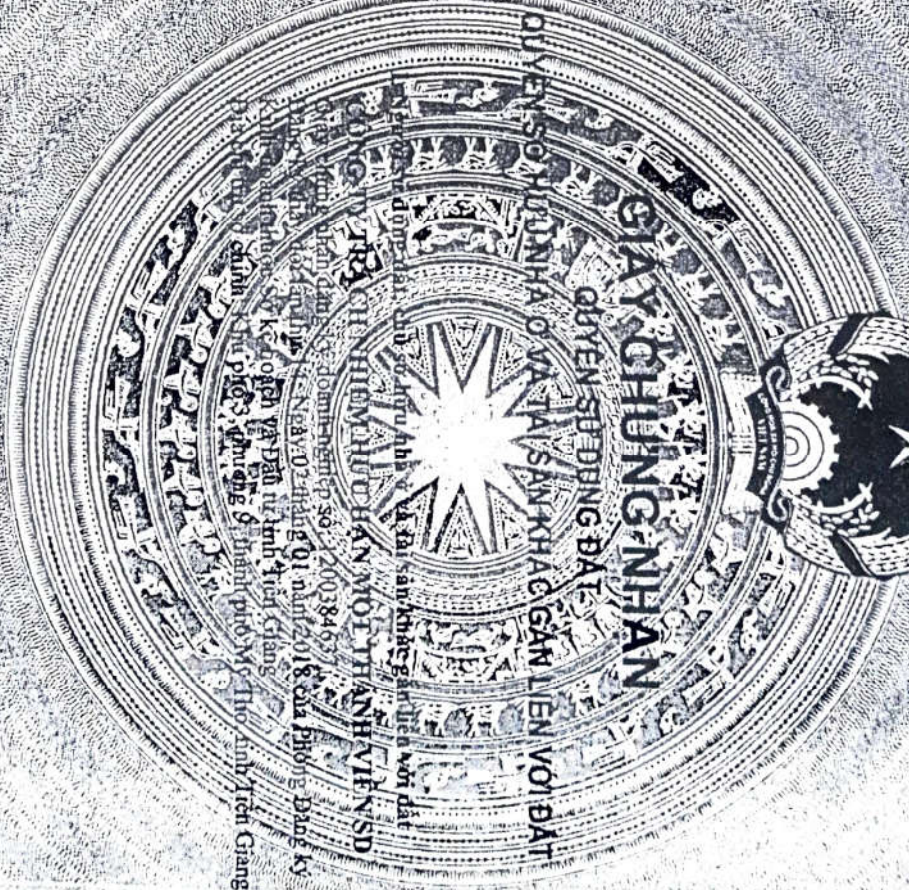


Người đi ra cấp Giấy chứng nhận không được sử dụng lấy visa hoặc hồ
sơ lý xin thị thực nhập cảnh của Công an Cảnh sát Quốc gia



2 8 2 7 3 1 8 0 0 0 4 8 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CN514091

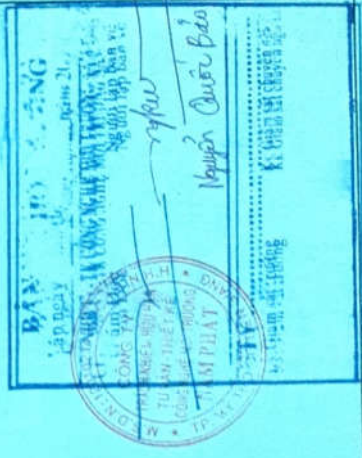
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SD

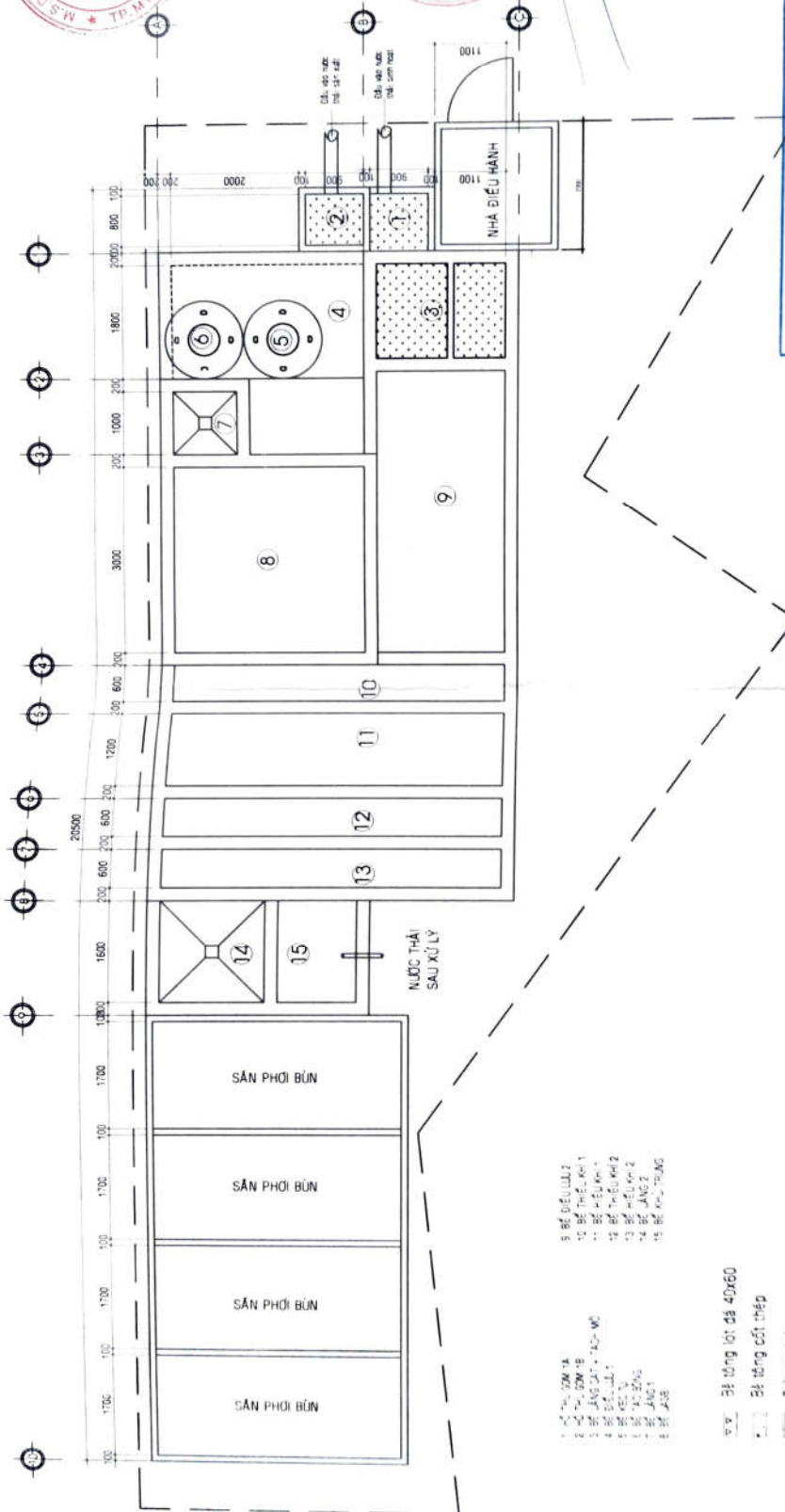
CÔNG TRÌNH : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI (CÔNG SUẤT 35M3/NGÀY.ĐÊM)

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG 9 - MỸ THO - TIỀN GIANG



Tháng 8 - 2017

CHỦ ĐẦU TƯ WESTVA	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SD	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ SPECIALIST ARCHITECTURE TP. HCM	CITY TNHH TV TK CNMT NAM PHÁT	CÔNG GIAM ĐẶC SPECIALIST ARCHITECTURE TP. HCM	CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ LÊ HỒNG NAM THIẾT KẾ DESIGNED	LÊ HỒNG NAM TRẦN ĐUY TÂN VỀ KẾM CHECKED ĐÁM DRAWN	NGUYỄN QUỐC BẢO LÊ HỒNG NAM TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 35 M3/NGÀY/ĐÊM ĐỊA ĐIỂM: M. TH. TÊN BANG	TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	SỐ BẢM VẼ DRAWING NO.	KHOẢNG GIÁP INTER-SICES
											1/75	17/11/21	43	43



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày tháng năm 20

CITY TNHH TV TK CNMT CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHÁT
Người lập bản vẽ

TRÁCH NHIỆM BỒI DƯỠNG
THUYẾT MINH VÀ KIỂM TRA
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
NAM PHÁT

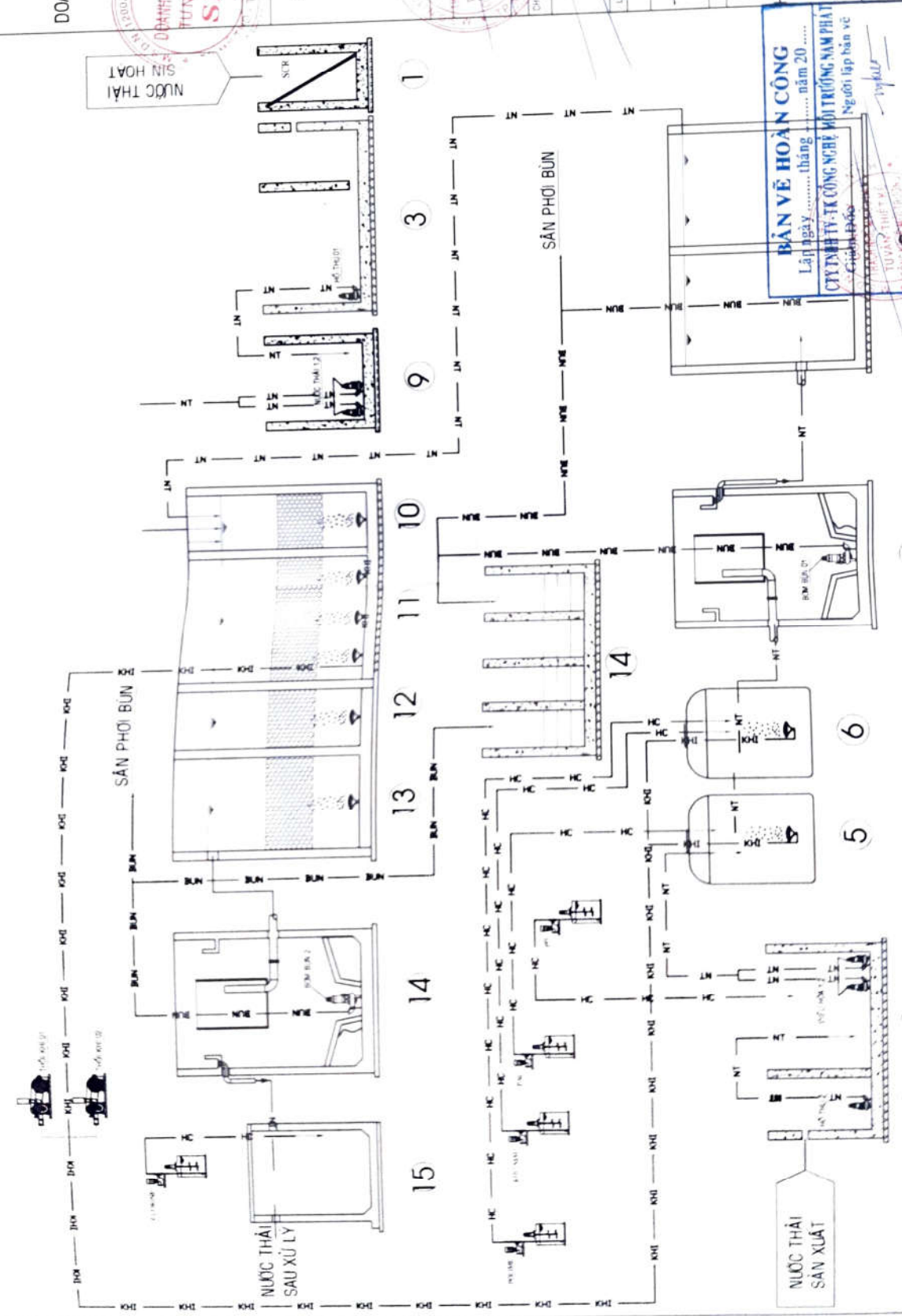
CITY
K.s. Giám sát trưởng
K.s. Giám sát chuyên ngành

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG, TL 1:75

- 1. BỂ ĐIỀU CHỈNH
- 2. BỂ THỂ KHỚP 1
- 3. BỂ THỂ KHỚP 2
- 4. BỂ LẮNG CHẤM - KHUỖ
- 5. BỂ ĐIỀU CHỈNH 2
- 6. BỂ ĐIỀU CHỈNH 1
- 7. BỂ ĐIỀU CHỈNH 2
- 8. BỂ LẮNG 1
- 9. BỂ LẮNG 2
- 10. BỂ ĐIỀU CHỈNH

- 1. Bể lắng cát đáy 40x60
- 2. Bể lắng cát đáy
- 3. Tường gạch
- 4. Bể lắng gạch vữa
- 5. Sàn bê tông
- 6. Sàn gạch vữa

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 35M3/NGÀY.ĐỀM



CHỦ ĐẦU TƯ
WESTON

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
SD



CTY TNHH TV TK CNMT
NAM PHAT



THIẾT KẾ
DESIGNED

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
PHI SIGNED

LE HOANG DAO

TRẦN ĐUY TÂN
KEM
CHECKED

NGUYỄN QUỐC BẢO
LE HOANG NAM
PROJECT NAME

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 35 M3/NGÀY.ĐỀM

ĐỊA ĐIỂM: M/ THỊ TÊN GIANG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

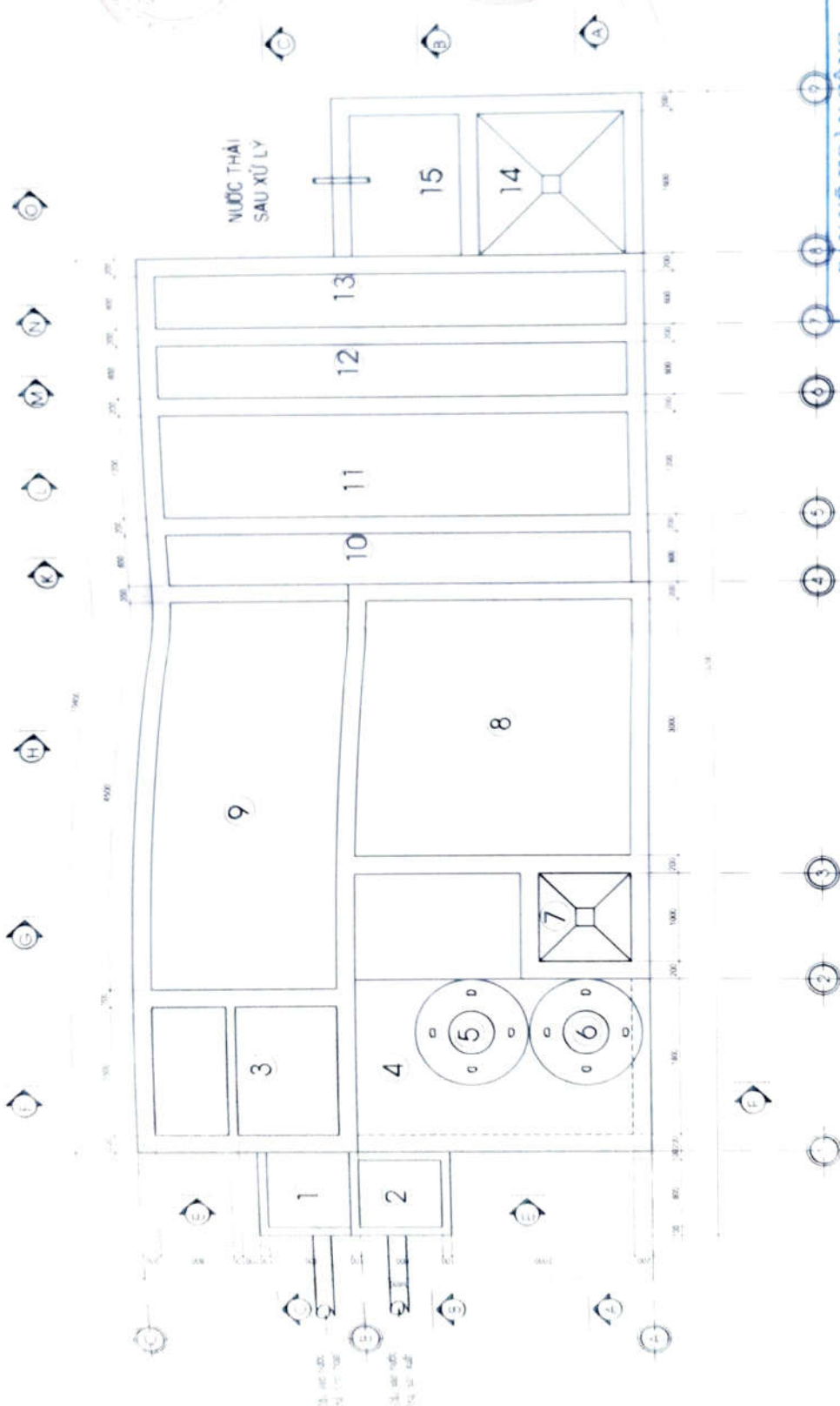
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	SỐ BÀN VẼ DRAWING NO	KHỔ GIẤY PAPER SIZE
1:500		HIT/NT 1	A3

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày: tháng năm 20.....
CTY TNHH TV- TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHAT
CHỦ ĐẦU TƯ:
Người lập bản vẽ:
Ks. Giám sát chuyên ngành:
CTY:
Ks. Giám sát trưởng:



SƠ ĐỒ MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, TL 1:50



- 1 - BỂ ĐIỀU CHỈNH
- 2 - BỂ LẮNG CHẤM - KÉO MỎ
- 3 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 4 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 5 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 6 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 7 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 8 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 9 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 10 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 11 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 12 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 13 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 14 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG
- 15 - BỂ ĐIỀU LƯỢNG

TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
DIỆN TÍCH MẶT BẰNG	CÔNG SUẤT 35 M3/NGÀY/ĐÊM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	CTY TNHH TV-TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHẬT
ĐỊA ĐIỂM	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN BAN VẼ	SO ĐỒ CÔNG NGHỆ
TH. LÊ VĂN AN	
NGUYỄN VĂN AN	
TRẦN VĂN AN	
PHẦN 1	
PHẦN 2	
PHẦN 3	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Lập ngày tháng năm 20.....
CTY TNHH TV-TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHẬT
 Người lập bản vẽ
 Nguyễn Văn An
CTY
 Ks. Giám sát trưởng: Ks. Trần Văn An

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
 SD
 CTY TNHH TV-TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHẬT

NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

DOAN NGHIỆP TỰ NHẬN
SD

CTY TNHH TV TK DNMĐT
NAM PHÁT

CTY TNHH TV TK DNMĐT
NAM PHÁT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 10 M3 NGÀY ĐÊM

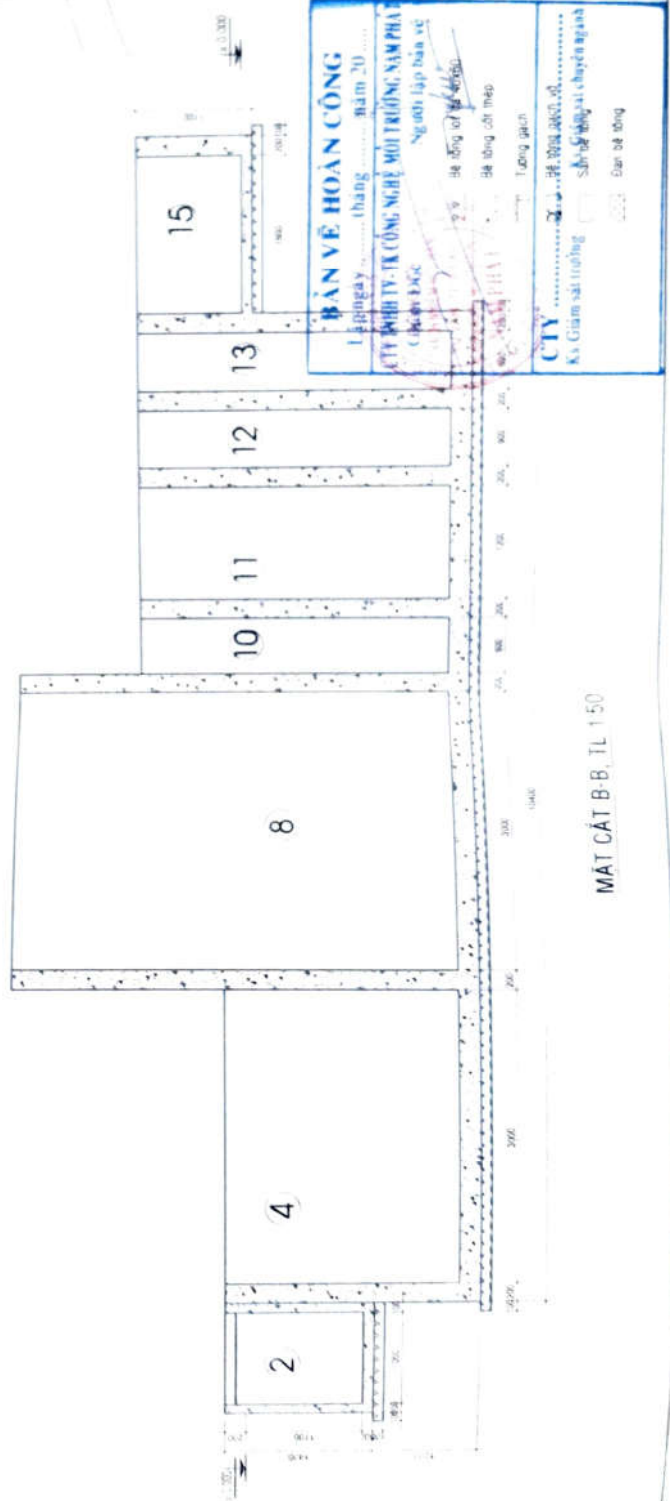
ĐỊA ĐIỂM MẶT THỜI KÈN ĐANG

TÊN BAN VẼ
ĐIỀU HÀNH

TÊN BAN VẼ	SỐ BAN VẼ	KHOẢNG CÁCH
ĐIỀU HÀNH	ĐIỀU HÀNH	ĐIỀU HÀNH
150	150	150





MẶT CẮT A-A, TL 150

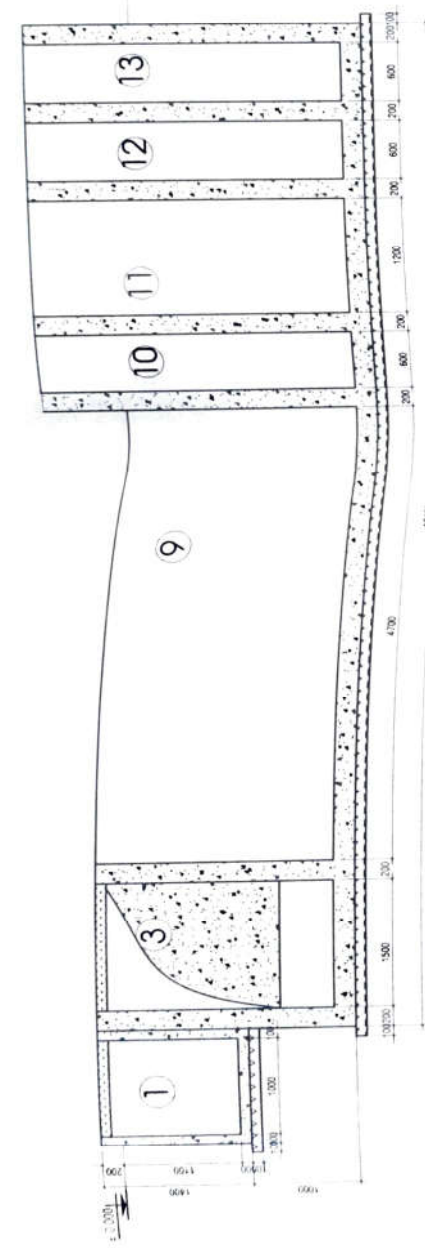


BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm 20...
 CTY TNHH TV TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHÁT
 Người lập bản vẽ
 Hệ thống xử lý nước thải

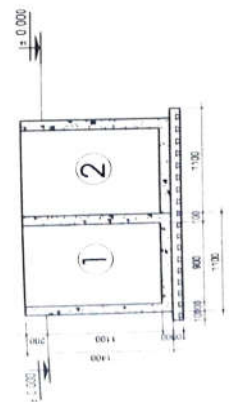
CTY...
 Ks Giám sát/trưởng
 Sản phẩm đạt chất lượng

CÁI ĐẦU TU PROJECT	
DOAN NGHIỆP TƯ NHÂN SD	
	
CTY TNHH TV TK CMNT NAM PHÁT	
	
CHỨC VỤ DESIGNED	THIẾT KẾ DESIGNED
LE HOANG NAM VỀ DRAWN	TRẦN DUY TÂN KẾ M DESIGNED
NGUYỄN ĐỨC BẢO LE HOANG NAM	
TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 35 M3/NGÀY-ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM MỸ THO TÊN GIANG	
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE
1:50	
SỐ BẢN VẼ DRAWING NO	KHO GIẤY PAPER SIZE
-/TL/AT/ 2	A3

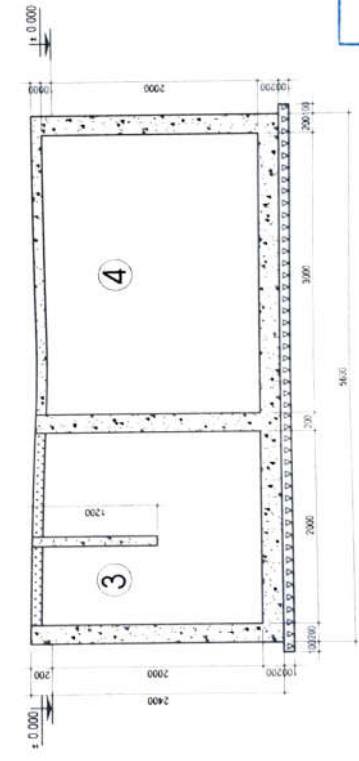
- ☐ Bê tông lót đá 40-60
- ☐ Bê tông cốt thép
- ☐ Tường gạch
- ☐ Bê tông gạch vữa
- ☐ Sàn bê tông
- ☐ Đạn bê tông



MẶT CẮT C-C, TL 1:50



MẶT CẮT E-E, TL 1:50



MẶT CẮT F-F, TL 1:50

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Lập ngày tháng năm 20

CTY TNHH TV TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHÁT
 Người lập bản vẽ



CTY
 K.s. Giám sát trưởng



K.s. Giám sát chuyên ngành

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

DOAN NGHIỆP TƯ NHÂN
SD



CITY TNHH TV TK CNMT
NAM PHÁT



THIẾT KẾ
DESIGNED

TRẦN ĐÌNH AN
KIỂM
CHECKED

NGUYỄN QUỐC BẢO
LÊ HOÀNG NAM
TÊN DỒNG TRÌNH
PROJECT NAME

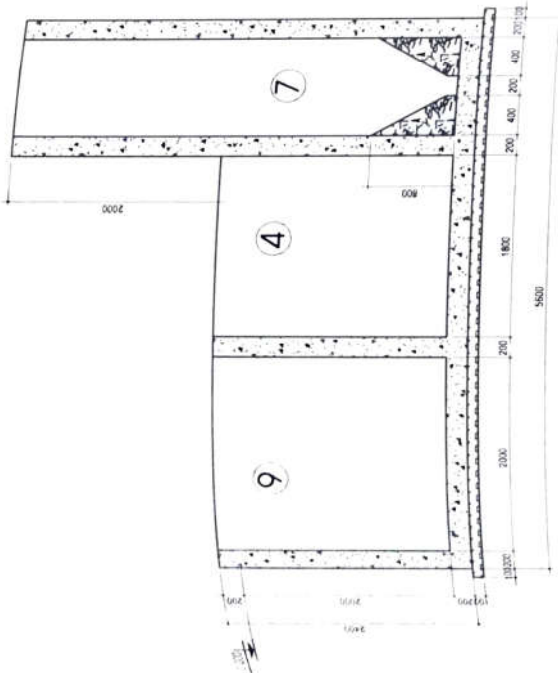
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 35 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM MỸ THUẬT TIỀN GIANG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

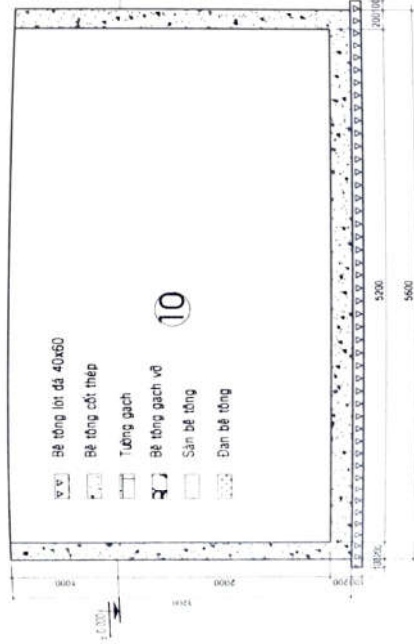
TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO	KHỔ GIẤY PAPER SIZE
			A3



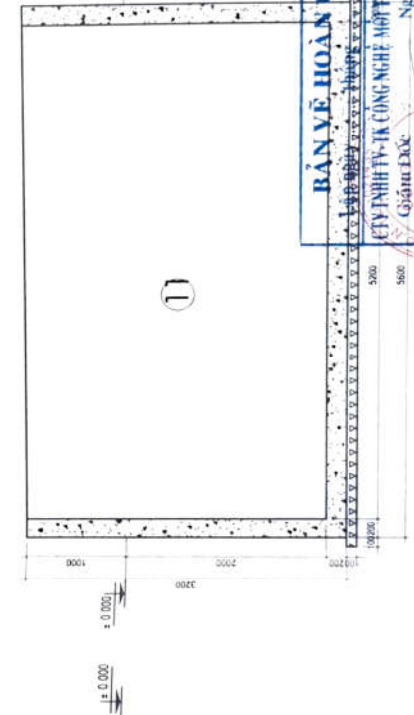
MẶT CẮT G-G, TL 1:50



MẶT CẮT H-H, TL 1:50



MẶT CẮT K-K, TL 1:50



MẶT CẮT L-L, TL 1:50

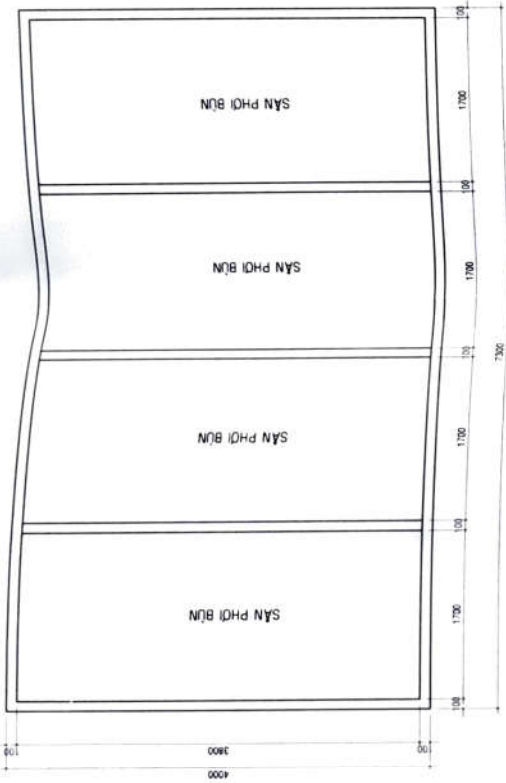
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CITY TNHH TV TK CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NAM PHÁT

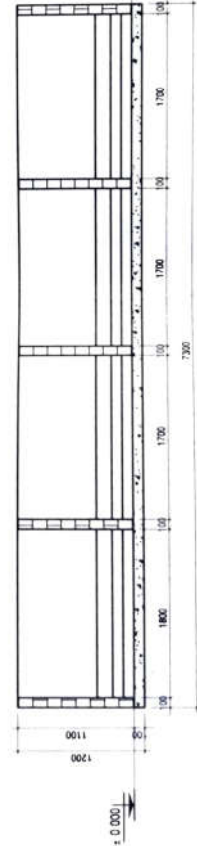
Người lập bản vẽ

Ks. Giám sát chuyên ngành

CITY
Ks. Giám sát trưởng



MẶT BẰNG SẢN PHÔI BÙN, TL 1:50



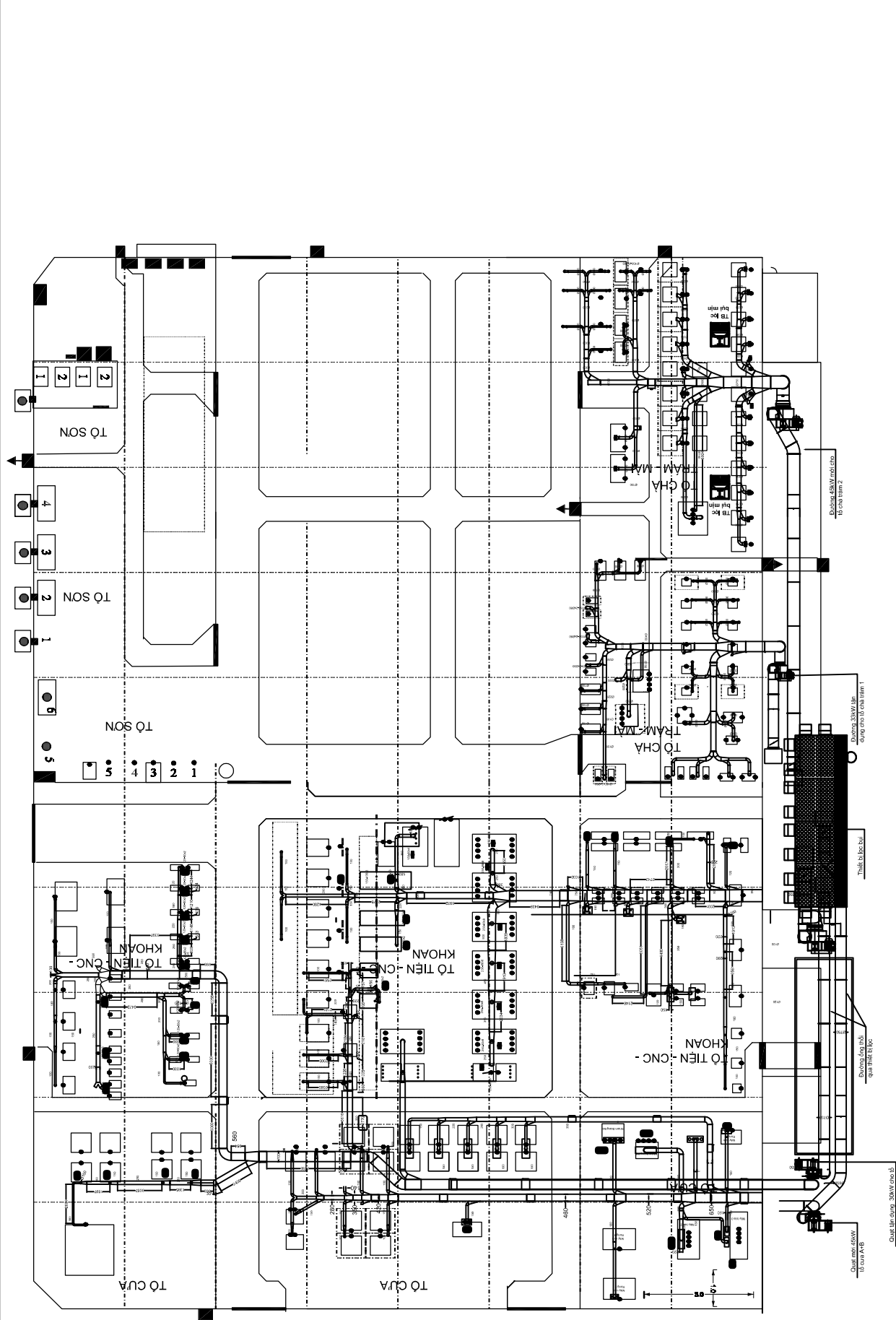
MẶT CẮT D-D, TL 1:50

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR		DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SD	
CÔNG TY TNHH TV TK CNMT NAM PHÁT		CÔNG TY TNHH TV TK CNMT NAM PHÁT	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ LE HOANG NAM		THIẾT KẾ DESIGNED	
LE HOANG NAM		TRẦN DUY TẤN	
VỀ DRAWN		KIỂM CHECKED	
NGUYỄN QUỐC BẢO PROJECT NAME		LE HOANG NAM	
TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 35 M ³ /NGÀY ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM MỸ THO TIỀN GANG		TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO	KHOẢNG GIẤY PAPER SIZE
		HTX/NT 7	A3

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày tháng năm 20

CÔNG TY TNHH TV TK CNMT NAM PHÁT
Người lập bản vẽ
Ks. Giám sát chuyên ngành

CÔNG TY TNHH TV TK CNMT NAM PHÁT
Ks. Giám sát trưởng



Tên công trình : **HỆ THỐNG HÚT BỤI GỖ NHÀ MÁY SD**

Tên bản vẽ: **MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ**

Số bản vẽ: --0-00-00

Ngày: 11 - 04 - 2022

Tỉ lệ: 1/300 - A4

Rev: .

Công ty TNHH CHÂU PHÚ
 Tel: 08.38498788 - 08.54088277 Fax: 08. 35591049
 http://www.chauphu.com Email: chauphuco@hcm.vnn.vn

Environment Equipments & Systems

Thiết kế: **ĐÀO QUỐC CHIẾN**

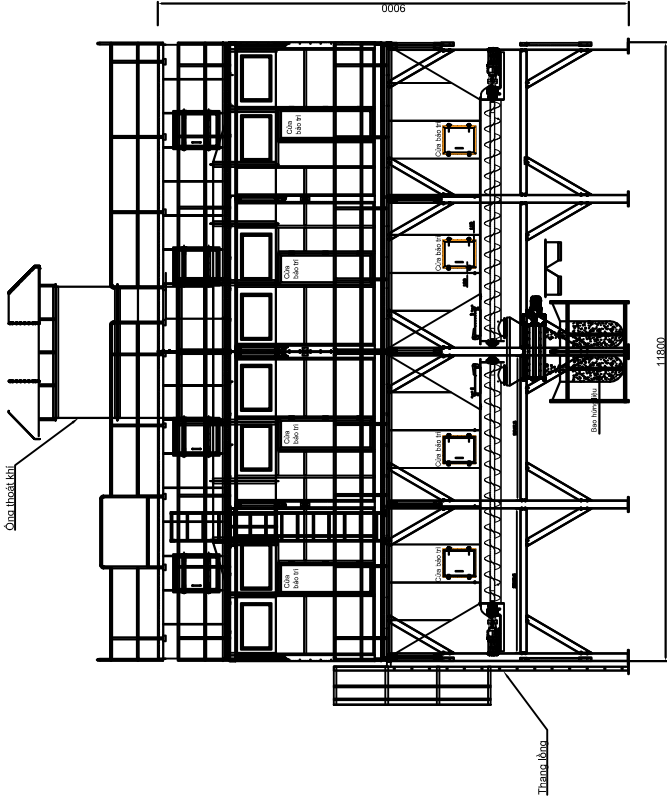
Kiểm tra: **ĐÀO QUỐC CHIẾN**

Vẽ: **PHAN ANH TỬ**

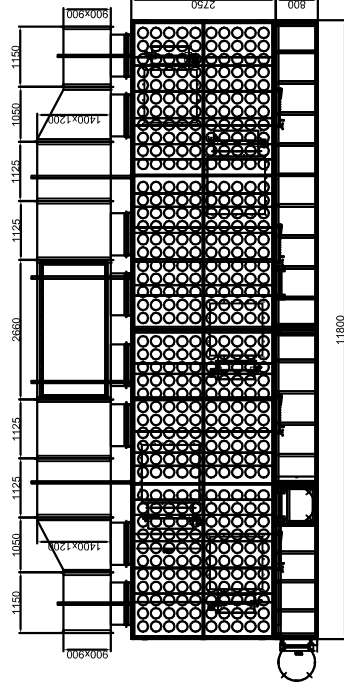
Chú đầu tư: **NGUYỄN VĂN DŨNG**

Logo of Công ty TNHH CHÂU PHÚ (Environment Equipments & Systems)

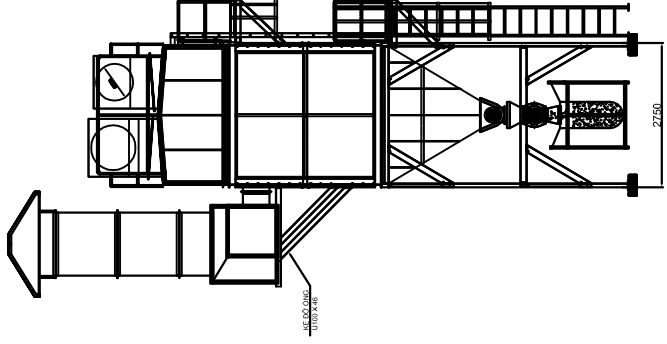
Red circular stamp: **CÔNG TY TNHH CHÂU PHÚ SD** (M.S. 120034837 - C.T. TH. 4 - S. 01)



HÌNH CHIẾU ĐỨNG



HÌNH CHIẾU BẰNG



HÌNH CHIẾU CẠNH

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Kích thước tổng thể : 11800x3550x9000 (không bao gồm sàn thao tác)
- Số túi vải lọc : 440, kích thước Ø200x3000
- Hệ khung chân : U120
- Vít tại liệu :
 - + Vít tải chữ U, Ø300xL5000
 - + Công suất motor : 3,7KW
 - + Số lượng : 02 cái
- Van xoay tải liệu :
 - + Công motor 1.5 kW
 - + Số lượng : 01 cái

Chủ đầu tư:



Công ty TNHH CHÂU PHÚ
 Tel: 08.38498788 - 08.54088277 Fax: 08. 35591049
<http://www.chauphu.com> Email: chauphuco@hcm.vnn.vn

Vẽ PHAN ANH TỬ

Thiết kế ĐÀO QUỐC CHIẾN

Kiểm tra ĐÀO QUỐC CHIẾN

Tên công trình :

HỆ THỐNG HÚT BỤI GỖ NHÀ MÁY SD

Tên bản vẽ:

BẢN VẼ TỔNG THỂ THIẾT BỊ LỌC BỤI GỖ

Số bản vẽ: --0-00-00

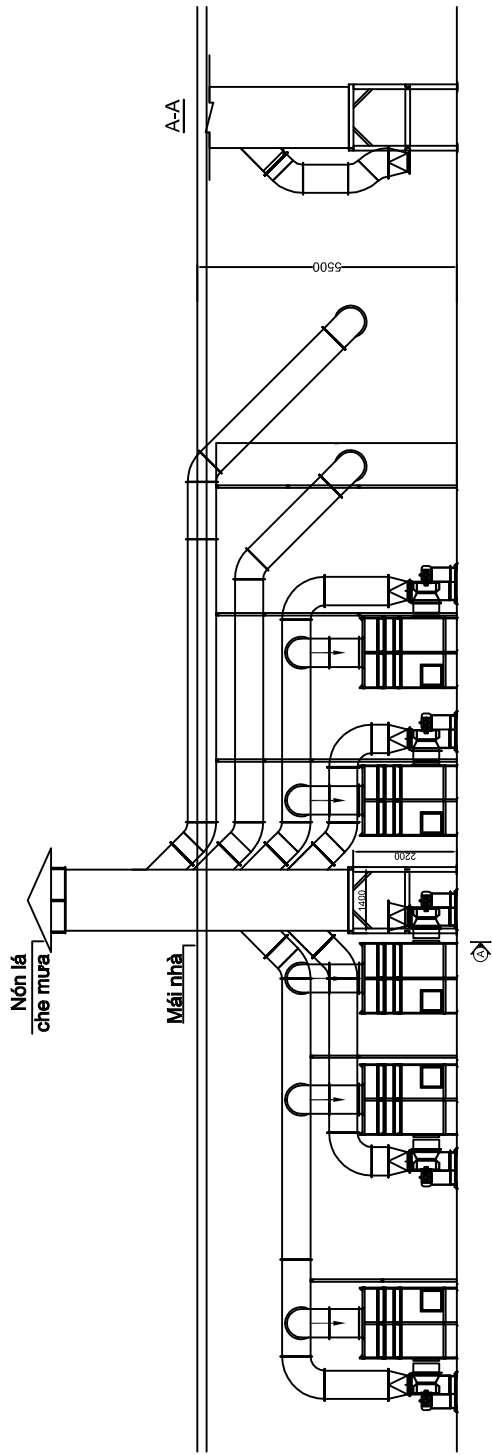
Tỉ lệ: 1 / 200 - A4

Rev.:

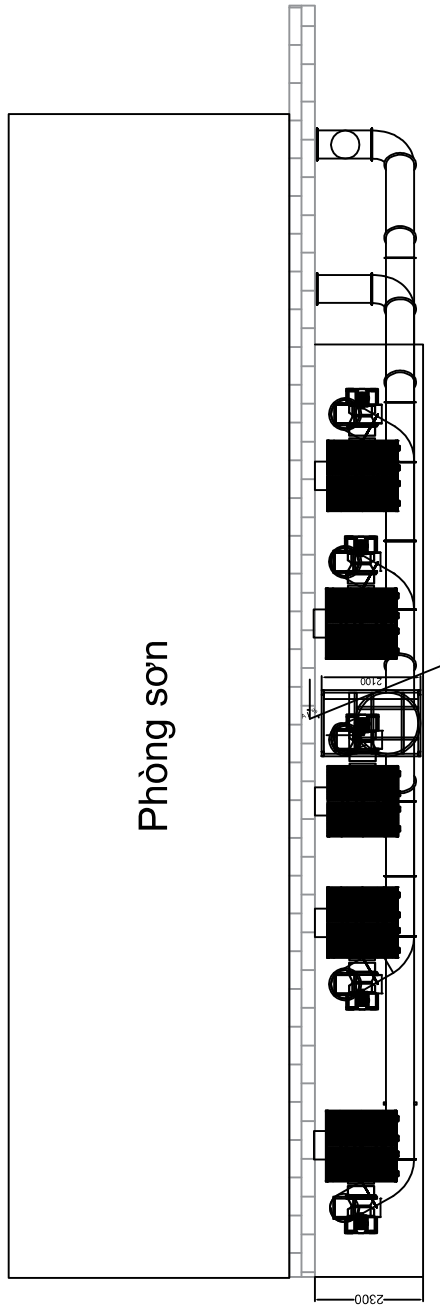
Ngày: 16-10-2022



NGUYỄN VĂN DŨNG



HÌNH CHIẾU ĐỨNG



Phòng sơn

CÔNG VÀO

HÌNH CHIẾU BẰNG

Chủ đầu tư:



Environment Equipments & Systems

Tel: 08.38498788 - 08.54088277 Fax: 08. 35591049
<http://www.chauphu.com> Email: chauphuco@hcm.vnn.vn

Tên công trình :

HỆ THỐNG HÚT BỤI GỖ NHÀ MÁY SD

Tên bản vẽ:

BẢN VẼ THU GOM ỐNG THẢI BUỒNG SƠN

Vẽ

PHAN ANH TỬ

Thiết kế
ĐÀO QUỐC CHIẾN

Kiểm tra
ĐÀO QUỐC CHIẾN

Số bản vẽ: --0-00-00

Ngày: 16-10-2022

Tỉ lệ: 1 / 200 - A4

Rev.:



BẢN VẼ

CHỦ ĐẦU TƯ:

GIÁM ĐỐC

TÊN BẢN VẼ:

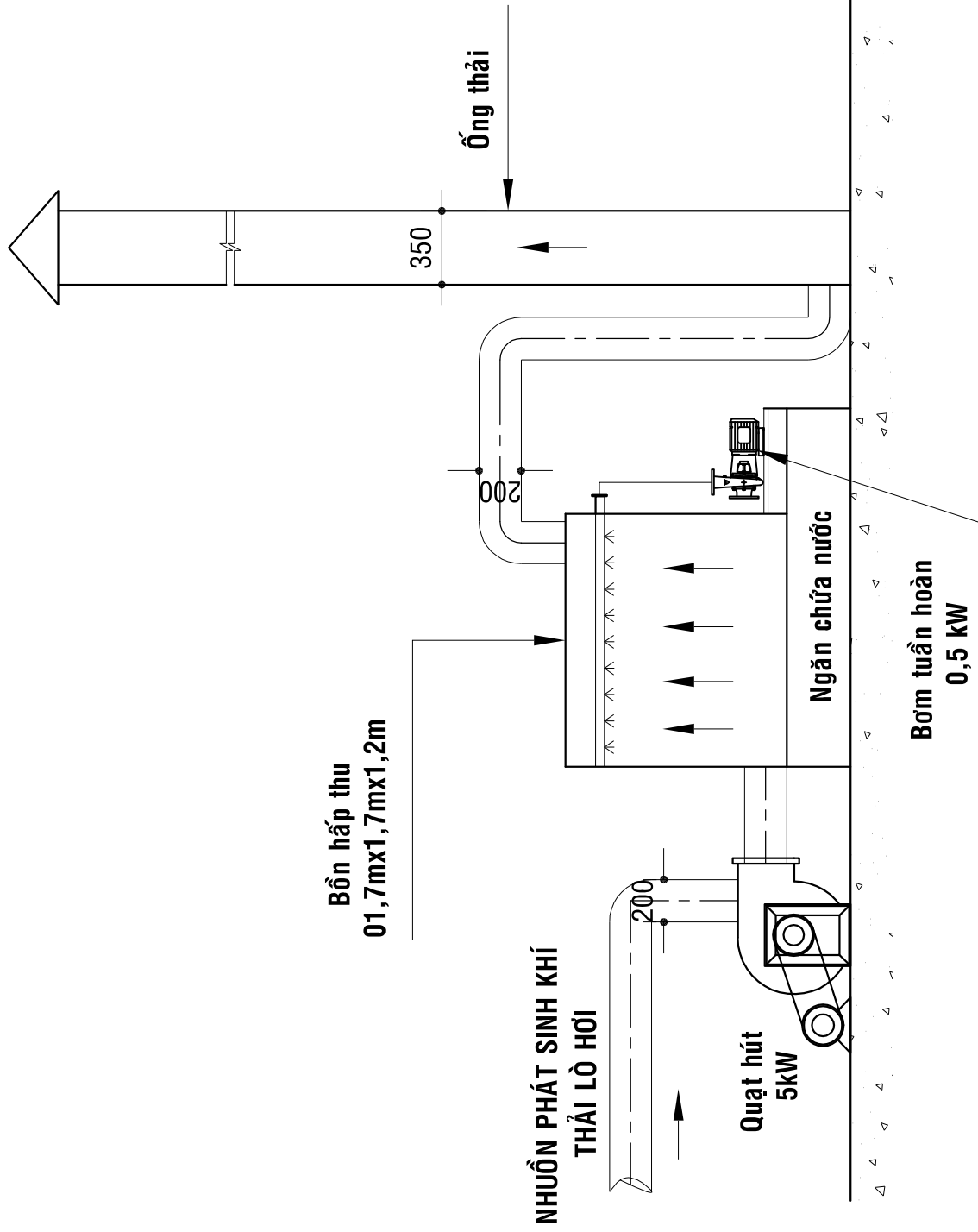
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ H

QUẢN LÝ
KỸ THUẬT

VE

KIỂM TRA

NGÀY HT



NGUYỄN VĂN DŨNG

GHI CHÚ

- Tỷ lệ bản vẽ được ghi trên tờ vẽ
- Mọi chi tiết kỹ thuật phải tuân thủ theo quy định của Bộ Xây dựng và Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Mọi chi tiết kỹ thuật phải tuân thủ theo quy định của Bộ Xây dựng và Bộ Tài nguyên và Môi trường

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ BỐ ĐO	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	<input checked="" type="checkbox"/>
HỒN CÔNG	<input type="checkbox"/>

TÊN CÔNG TRÌNH:
**NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI LIA,
 BỒ GIẢ DUNG LƯỢNG CỖ**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CÔNG TY TNHH SD

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
 TIẾN GIANG**

ĐỊA CHỈ: 107 LÊ THỊ HỒNG GIANG, P.4, TP. TUYÊN GIANG,
 TỈNH TUYÊN GIANG.

PHẠM TÙNG GIÀM ĐỐC:

THIẾT KẾ: **TRẦN VĂN DUY**

CHỦ TÀI THIẾT KẾ:

KIỂM TRA: **TRẦN VĂN DUY**

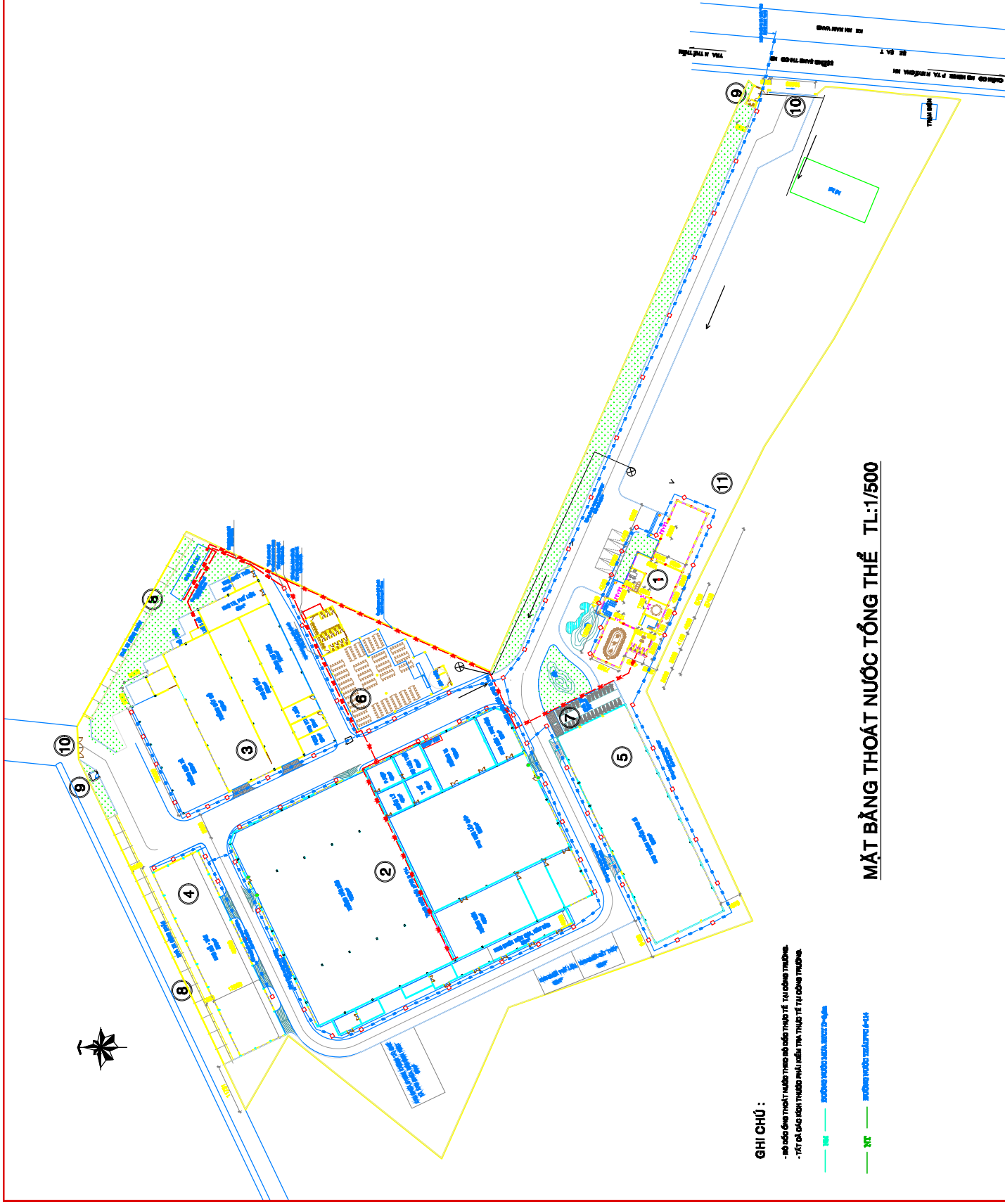
CHỦ TÀI KIỂM TRA:

KIỂM TRA: **TRẦN VĂN DUY**

CHỦ TÀI KIỂM TRA:

**MẬT BẢNG THOÁT NƯỚC
 NƯỚC MƯA - NƯỚC THẢI**

HẠNG MỤC	TÊN MẬT BẢNG
BỘ ĐIỀU BÀN VẼ	KT/TH/01
NGÀY PHÁT HÀNH	01/01/2023
BỘ HỢP ĐỒNG	



MẬT BẢNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ TL:1/500

GHI CHÚ :

- Mọi chi tiết kỹ thuật phải tuân thủ theo quy định của Bộ Xây dựng và Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Tỷ lệ bản vẽ được ghi trên tờ vẽ

—	—
—	—



Khu Phố 3, Phường 9, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam

ĐT: +84 73 3854 480 – Fax: +84 73 3854 479

Email: vp04@SDwoodenToy.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

SỐ. 01032020B

- Căn cứ theo HDKT số.. 01042019/SD-TT..đã ký ngày 11 tháng 03 năm 2020

- Căn cứ nhu cầu thực tế 2 bên

Chúng tôi gồm có.

Bên A (Bên Bán) CÔNG TY TNHH SD

Địa chỉ: Khu Phố 3, Phường 9, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: (073) 3854480 Fax: (073)3854479

Tài khoản số:

Mã số thuế: 1200384637

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: (Bên Mua): Võ Thành Thuận

Địa chỉ: TP HCM

Điện thoại: 0913112991

Tên hàng hóa và đơn giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	Đơn giá (đồng)/ tấn	Ghi chú
1	Mùn cưa + dăm bào khô	900.000	
2	Củi khô domino	700.000	
3	Củi bìa, mặt cưa tươi	300.000	

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 và có giá trị trong vòng 6 tháng sẽ xem xét và ký lại phụ lục hợp đồng

Phụ lục là một phần không thể thiếu của HĐ mua bán số 01032020/SD-MC và được thành lập 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản

BÊN B

Võ Thành Thuận



NGUYỄN VĂN DŨNG

HỢP ĐỒNG

Số: 08/2022/HĐVSKL

Dịch vụ: Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Mỹ Tho, chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A: Công ty TNHH SD

- Ông/bà : Nguyễn Văn Dũng.....
- Chức vụ : Tổng Giám đốc.....
- (Theo giấy ủy quyền số: ngày(nếu có).)
- Địa chỉ : Khu phố 3, Phường 9, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
- Mã số thuế : 1200 384 637
- Điện thoại : 02733 854 480

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Mỹ Tho

- Ông : **Lê Minh Sáng**
- Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ : Số 12, Huỳnh Tịnh Của, P.7, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
- Điện thoại : 02733 872 656
- Mã số thuế : 1200 357 376
- Số tài khoản : 71010000001257 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A thuê bên B thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thải ra từ Công ty TNHH MTV SD- địa chỉ: Khu phố 3, Phường 9, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang.
- Chất thải rắn sinh hoạt không lẫn đất, đá, các thành phần chất thải công nghiệp, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại.
- Bên B thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo yêu cầu của bên A bằng phương tiện xe chuyên dụng.
- Hiện tại, chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt của bên A do ngân sách thành phố Mỹ Tho hỗ trợ. Khi ngân sách thành phố Mỹ Tho không hỗ trợ nữa, hai bên sẽ ký Phụ lục hợp đồng cho việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt này.

ĐIỀU II: KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A và bên B thỏa thuận mở sổ theo dõi khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trung bình mỗi tháng để làm cơ sở thanh toán.
- Khối lượng được hai bên thỏa thuận thống nhất qui đổi như sau:

Loại thùng	Thùng 660 lít	Thùng 240 lít	Thùng 120 lít
Tương đương	250 kg	100 kg	50 kg

ĐIỀU III: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Theo đơn giá thu gom, vận chuyển là : 182.000 đồng/tấn.
- Bằng chữ: Một trăm tám mươi hai ngàn đồng.
- Giá trên đã bao gồm VAT 10%.
- Giá trị hợp đồng trong quá trình thực hiện nếu bên A có yêu cầu làm thêm hoặc thay đổi đơn giá tăng, giảm (do biến động giá cả thị trường vật tư, lương tối thiểu, quy định pháp luật liên quan) thì bên A và B căn cứ vào thông báo của bên B được hai bên thống nhất để làm cơ sở thanh toán.

ĐIỀU IV: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Hàng tháng, Bên A có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản các chi phí thu gom, vận chuyển rác cho bên B sau khi bên A nhận được hóa đơn từ bên B trong thời gian 07 ngày.
- Bên B sẽ cấp hóa đơn cho bên A theo qui định hiện hành của Bộ tài chính.

ĐIỀU V: THỜI GIAN HỢP ĐỒNG

- Từ ngày : 01/01/2022
- Đến ngày: 31/12/2022

ĐIỀU VI: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

❖ Trách nhiệm bên A:

- Trang bị thùng đựng rác chuyên dụng.
- Cử người ký xác nhận khối lượng vào sổ theo dõi của bên B khi xe lấy rác.
- Đưa rác đến nơi tập kết rác, tạo điều kiện thuận lợi cho bên B nhận rác.
- Đảm bảo thanh toán chi phí cho bên B sau khi nhận hóa đơn của bên B. Trường hợp quá 15 ngày sau khi bên A nhận hóa đơn của bên B mà không thanh toán cho bên B thì bên B có quyền ngưng lấy rác cho bên A.

❖ Trách nhiệm bên B:

- Lấy rác theo thỏa thuận của 02 bên.
- Xuất hóa đơn GTGT theo quy định hiện hành.
- Thông báo cho bên A khi ngừng cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU VII: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên A và B cam kết thi hành đúng những nội dung thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này, bên nào sai trái thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu gặp khó khăn, trở ngại thì hai bên thông báo cho nhau biết để kịp thời giải quyết thỏa đáng. Những ý kiến thống nhất về việc bổ sung, sửa đổi hợp đồng phải được hai bên lập thành văn bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được thanh lý khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo các điều khoản đã nêu trong hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 03 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Văn Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Lê Minh Sáng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 374 HD.MTNB/VAE-2022

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ký ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 05 năm 2022, đại diện hai Bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SD

Địa chỉ : Khu phố 3, phường 09, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại : 0273. 3854480 Fax: 0273.3854479

Mã số thuế : 1200384637

Người đại diện : (Ông) **NGUYỄN VĂN DŨNG** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC

Địa chỉ trụ sở : 389 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP.HCM

Địa chỉ VPGD : 180B An Tôn, phường 6, quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại : 028. 39718680. Fax : 028. 39718979. DD: 0979 490 949 (A Hữu)

Mã số thuế : 0 3 0 2 4 0 8 1 4 8

Tài khoản số : 141.10.0000.30.536 tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Chợ Lớn, TpHCM

Người đại diện : (Ông) **NGUYỄN NGỌC CHÂU** Chức vụ : Giám Đốc

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A theo giấy phép chức năng của Bên B.
- 1.2. Định kỳ thu gom: 03 lần/năm và phải báo cho Bên B trước 05 ngày làm việc.
- 1.3. Thời hạn hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- 1.4. Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ tại chủ nguồn thải:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	DVT	Điều kiện Lưu trữ
01	Hộp mực in	08 02 04	Kg	Bao PE cột kín

02	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	Bao PE cột kín
03	Dầu nhớt thải	17 02 03	Kg	Thùng phuy đậy kín
04	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	Bao PE cột kín
05	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	Bao PE cột kín
06	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất	18 02 01	Kg	Bao PE cột kín
07	Cặn Sơn thải	03 08 01	Kg	Thùng phuy đậy kín
08	Bao bì thải dính hóa chất	18 01 01	Kg	Bao PE cột kín
09	Pin thải	16 01 12	Kg	Bao PE cột kín
10	Bùn thải	12 06 06	Kg	Bao PE cột kín
11	Keo thải	08 03 01	Kg	Bao PE cột kín

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG & ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1. Số lượng chất thải:

- Được xác định bằng biên bản giao nhận theo khối lượng thực tế có sự xác nhận của hai Bên.

2.2. Đơn giá xử lý:

- Chi phí thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại được tính khoán là 18.000.000đồng/năm, ứng với khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 950kg/năm.
- Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao nhiều hơn 950 kg/năm thì chi phí xử lý sẽ được tính thêm là: Tổng khối lượng chất thải phát sinh thêm x 20.000đồng/kg.

Ghi chú:

- + Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- + Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT hiện hành.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán cho Bên B làm 02 đợt như sau:
 - + **Đợt 1:** Bên A thanh toán chi phí xử lý chất thải bằng hình thức chuyển khoản cho Bên B với số tiền chưa bao gồm thuế GTGT là: 9.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu đồng*) trước hoặc ngay sau khi ký kết hợp đồng. Đồng thời nhận được hóa đơn tài chính phát hành

- + **Đợt 2:** Bên A phải thanh toán trước bằng chuyển khoản cho Bên B chi phí xử lý chất thải vào tuần đầu tiên của tháng thứ 07 (bảy) tính từ ngày ký kết hợp đồng với số tiền chưa bao gồm thuế GTGT là: 9.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu đồng*)
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao nhiều hơn khối lượng khoán (950 kg/năm), thì Bên A thanh toán chi phí xử lý phát sinh như Điều 2 của hợp đồng.
- Nếu Bên A thanh toán chậm trễ, Bên A phải thanh toán chi phí phạt 0.1%/ngày căn cứ trên chi phí chưa thanh toán cho Bên B.
- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm Bên A:

- Phải phân loại chất thải thành từng loại riêng biệt cho từng loại chất thải và lưu trữ tại khu vực cố định của Bên A trước khi bàn giao xử lý theo đúng quy định môi trường hiện hành.
- Nếu Bên A không phân loại chất thải theo Điều 1 thì Bên B có quyền từ chối không nhận chất thải.
- Phải thực hiện việc lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu quy định và bàn giao cho Bên B ngay sau khi thu gom chất thải.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ của Bên B thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán chi phí cho Bên B đúng thời hạn theo Điều 2 và Điều 3.

4.2. Trách nhiệm Bên B:

- Thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải tại kho của Bên A và lưu trữ, xử lý chất thải tại Nhà máy của Bên B (Lô B4 – B21, B5 – B20, đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh) theo quy định hiện hành.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi nhà máy của Bên A.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng.
- Không nhận chất thải khi Bên A chưa thanh toán chi phí xử lý của đợt trước.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A ngay khi hoàn tất xử lý.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp, thì sẽ cùng bàn bạc, thương lượng và hòa giải. Trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP. Hồ Chí Minh, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí cho các hoạt động kiểm tra, xác minh và án phí do Bên có lỗi chịu.
- Khi có sự thay đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng.

- Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hai Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN DŨNG

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



NGUYỄN NGỌC CHÂU

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1958 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số..... ngày 27 tháng 5 năm 2022 của: Công ty TNHH SD.....

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà Nguyễn Văn Dũng..... Chức vụ: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Cải tạo xưởng sản xuất

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoàn cải:

Khu phố 3, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH SD

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hoàng Hán Công ty TNHH Hiệp Lợi

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Lối, đường thoát nạn, bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy nổ, bố trí công năng; phương tiện chữa cháy tại chỗ; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;

- Đơn vị

- Lưu:

Tiền Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2022



ĐẠI BIỂU HỮU THIÊN

**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/ PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 1958/TD-PCCC ngày 07/6/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)*

TT	Nội dung	GHI CHÚ
I	QUY MÔ DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH/ PHƯƠNG TIỆN	
1.	Cải tạo Lắp đặt hệ thống PCCC nhà xưởng sản xuất: 01 tầng, diện tích xây dựng 450m ² ; gác lửng diện tích xây dựng 225 m ² .	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	Mặt bằng định vị; mặt bằng tổng thể; kiến trúc; mặt bằng chi tiết, kết cấu:	KT:01/08 đến KT:08/08
3	Hệ thống báo cháy tự động:	PC-01/09 đến PC-09/09
4	Phương tiện chữa cháy xách tay:	PC-01/09 đến PC-09/09
5	Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà:	PC-01/09 đến PC-09/09
6	Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn:	PC-01/09 đến PC-09/09
7	Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler:	PC-01/09 đến PC-09/09

Yêu cầu: Chủ đầu tư phải thi công, lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng bản vẽ thiết kế, trong quá trình thi công lắp đặt có phát sinh thay đổi phải liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH để được hướng dẫn./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu PC11
BH theo Thông tư số
66/2014/TT-BCA
Ngày 16-12-2014

PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY CỦA CƠ SỞ

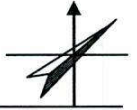
(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: **CÔNG TY TNHH MTV SD**

Địa chỉ: **Khu phố 3, phường 9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang.**

Điện thoại:

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2020

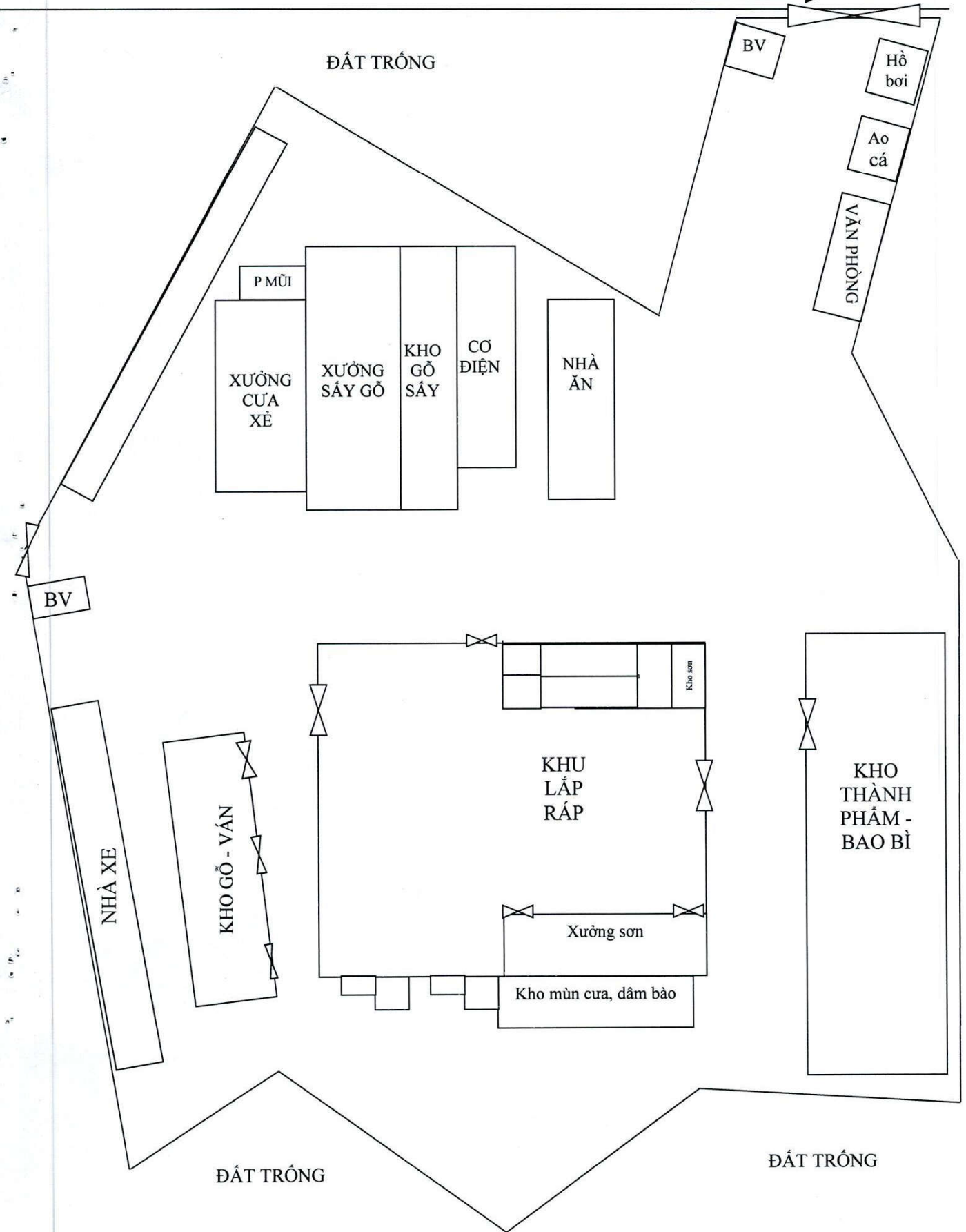


SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ⁽²⁾

ĐƯỜNG NỘI BỘ CẤP KÊNH NĂM GIANG

ĐI ĐƯỜNG KÊNH NỔI

ĐẤT TRỎNG



A. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CHỮA CHÁY:

I/ Vị trí, địa lý, diện tích:

1. Vị trí:

Công ty TNHH MTV SD tọa lạc Khu phố 3, phường 9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang, TG, nằm về hướng Tây Bắc cách Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH khoảng 5 km.

2. Các hướng tiếp giáp

- Hướng Đông tiếp giáp đường nội bộ cặp kênh Năm Dang.
- Hướng Tây tiếp giáp đất trống.
- Hướng Nam tiếp giáp đất trống.
- Hướng Bắc tiếp giáp đất trống.

II/ Giao thông bên trong và bên ngoài:⁽⁴⁾

1. Giao thông bên trong:

Bên trong có 1 công chính rộng khoảng 8m thuận lợi cho xe chữa cháy tiếp cận, bên trong có đường nội bộ rộng 5m đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận.

2. Giao thông bên ngoài:

Phía Đông Bắc tiếp giáp đường nội bộ cặp kênh Năm Dang rộng 10m, xe chữa cháy có thể hoạt động bình thường khi xảy ra sự cố.

- Khó khăn: Vào giờ tan ca công nhân ra về đông gây cản trở cho các phương tiện tham gia chữa cháy tiếp cận hiện trường.

- Tuyến đường đi từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đến cơ sở: Quốc lộ 50
- Đường cặp kênh Nội - đến Cơ sở.

III/ NGUỒN NƯỚC CHỮA CHÁY:⁽⁵⁾

1. Bên trong

Stt	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước (m)	Lưu ý
01	Hồ bơi		Gần công công Cty	Xe và máy bơm chữa cháy có thể lấy nước được
02	Ao cá		Gần công công Cty	Xe và máy bơm chữa cháy có thể lấy nước được

03	Hồ nước ngầm	240m ³	Trong công ty	Máy bơm chữa cháy có thể lấy nước được
----	--------------	-------------------	---------------	--

2. Bên ngoài

STT	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước (m)	Những điểm cần lưu ý
1	Kênh	Theo thủy triều	Trước công ty	Xe và Máy bơm chữa cháy lấy nước tốt

IV/ TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM NGUY HIỂM VỀ CHÁY – NỔ – ĐỘC:⁽⁶⁾

1. Đặc điểm kiến trúc xây dựng:

- Công ty TNHH MTV SD được xây dựng trên tổng diện tích 6740m² có 100% vốn Việt Nam, chuyên kinh doanh, sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ. Công ty có 1 cổng chính rộng 10m thuận lợi cho xe chữa cháy tiếp cận, bên trong có đường nội bộ rộng khoảng 5m. Nhà xưởng, công trình chủ yếu xây dựng bằng cột bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp tôn, xà gỗ, khung kèo thép.

- Trụ sở nhà xưởng Công ty TNHH MTV SD được chia làm các khu vực: Nhà điều hành và văn phòng làm việc với diện tích khoảng 426m²; khu vực xưởng sản xuất có diện tích 3827m²; khu vực xưởng sấy gỗ có diện tích 1294m²; khu vực kho gỗ ván, kho thành phẩm và các khu vực phụ trợ có tổng diện tích khoảng 2500m². Chức năng của công ty là chủ yếu là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm làm từ gỗ.

2. Tính chất hoạt động: Công ty điện cơ.

3. Tính chất nguy hiểm cháy - nổ - độc:

- Các nguồn nhiệt có khả năng gây cháy, nổ như hệ thống điện không đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng gây chập mạch, quá tải, điện trở lớn,... có thể làm cho các thiết bị tiêu thụ điện, dây dẫn bị đốt nóng gây cháy lớp cách điện và từ đó gây cháy lan sang hàng hóa, vật liệu xung quanh. Các nguồn nhiệt khác như quạt thông gió không đảm bảo dẫn đến hiện tượng va đập cơ học phát sinh nguồn nhiệt hoặc các vật mang nhiệt khác như tàn thuốc lá, ngọn lửa trần.

- Chất cháy chủ yếu trong công ty đa dạng và dễ cháy như: các loại thiết bị, máy móc, nguyên phụ liệu phục vụ cho dây chuyền sản xuất đồ gỗ, các loại mút xốp, thùng đóng bao bì làm bằng giấy carton, các loại máy tính văn phòng, hồ sơ giấy tờ, gỗ dùng để sản xuất, kinh doanh, gas tại khu vực nhà ăn, lượng xăng có trong xe máy của cán bộ, nhân viên dễ xảy ra cháy, nổ... Các loại chất cháy kể trên khi cháy sẽ tỏa ra nhiều khói khí độc với mật độ dày đặc gây khó khăn cho công tác thoát nạn, cứu người, cứu tài sản và chữa cháy.

- Nếu không được cứu chữa kịp thời đám cháy có thể cháy lan sang các khu vực lân cận. Mặt khác, khi cháy xảy ra vào ban đêm càng gây nguy hiểm cho người và tài sản do ảnh hưởng của khói, khí độc có thể gây chết người khi hít phải, nhiệt độ của ngọn lửa tăng nhanh gây bỏng cho người nếu không thoát nạn kịp thời. Ảnh hưởng của nhiệt và khói sẽ che khuất tầm nhìn, khó khăn cho việc tiếp cận đám cháy, cứu người, cứu tài sản và chữa cháy.

4. Khả năng cháy lan:

CÔNG TY TNHH MTV SD có nhiều chất rất dễ cháy nên luôn có tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ cao. Khi cháy sẽ có khả năng cháy lan sang các khu vực lân cận gây khó khăn trong công tác chữa cháy.

5. Khả năng thiệt hại khi xảy ra cháy:

Do đặc điểm, kiến trúc xây dựng, tính chất hoạt động, nếu chữa cháy không kịp thời đám cháy sẽ phát triển nhanh chóng toàn khu vực gây thiệt hại nghiêm trọng người và tài sản.

V/ Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ:⁽⁷⁾

1. Lực lượng tại chỗ:

- Tổng số cán bộ công nhân viên công nhân: 140 người
- Lực lượng đội PCCC cơ sở: 25 người.
- Trong giờ hành chính thường xuyên có 140 người, ngoài giờ làm việc (hoặc ngày nghỉ) có 02 người thường trực tại công ty (lực lượng bảo vệ).

2. Phương tiện chữa cháy tại chỗ:

- Công ty TNHH MTV SD được lắp đặt 01 máy bơm chữa cháy động cơ Diesel, 01 bơm điện bù áp, 01 bình tích bù áp 500 lít, 17 tủ chữa cháy vách tường, 04 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, 01 trụ chờ xe chữa cháy... Hệ thống nước được cung cấp từ bể nước ngầm 240m³. Hệ thống hoạt động được theo chế độ tự động hoặc bằng tay.

- Công ty được trang bị 105 bình chữa cháy các loại, được bố trí nơi dễ thấy dễ lấy.

- Tất cả các phương tiện chữa cháy đều trong tình trạng hoạt động tốt, có kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng định kì thường xuyên theo quy định.

- Việc bố trí các dụng cụ, phương tiện chữa cháy đều ở những nơi dễ thấy, dễ lấy khi có sự cố cháy xảy ra.

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY

I. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất:

1. Vị trí phát sinh chất nổ:

a) **Thời gian, địa điểm:** Vào lúc 12 giờ ngày x tháng y năm z, xảy ra cháy tại Xưởng lắp ráp của công ty.

b) Nguyên nhân

Trong quá trình sử dụng điện thiết bị không đảm bảo dẫn đến hiện tượng chập điện phát sinh nguồn nhiệt gây cháy lớp cách điện bắt cháy qua các vật khác như gỗ, giấy, nhựa..., do lúng túng không kịp thời cứu chữa, đám cháy lan truyền và toả ra nhiều khói, công nhân đang làm việc hoảng loạn chạy ra ngoài.

c) Diễn biến khi xảy ra cháy

Trong lúc công nhân đang làm việc, khi xảy ra cháy tạo lên sự hoảng loạn của công nhân, để kịp thời thoát nạn đã hình thành ra các hướng chạy theo các cửa ra vào, không loại trừ khả năng có người bị kẹt trong khu vực kho thành phẩm không thể thoát ra khỏi khu vực cháy trước khi các lực lượng triển khai đội hình cứu nạn, cứu hộ và chữa cháy.

2. Chiến thuật chữa cháy

- Chỉ huy chữa cháy là Do ông - Đội trưởng Đội PCCC cơ sở trực tiếp chỉ huy.

- Căn cứ tình hình diễn biến của đám cháy triển khai nhiệm vụ sau:

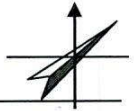
+ Tổ 1: gồm 02 người làm nhiệm vụ cúp điện toàn bộ công ty, đánh kêng báo động toàn khu vực, điện thoại cho Cảnh sát PCCC & CNCH (**ĐT: 114, 069.3599566**), Công an TP Mỹ Tho và các đơn vị có liên quan đến hỗ trợ chữa cháy, đồng thời mở cổng đón xe chữa cháy và hướng dẫn lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận đám cháy và nguồn nước.

- Tổ 2: gồm 10 người, nhanh chóng hướng dẫn mọi người thoát nạn, tổ chức cứu người, đồng thời làm nhiệm vụ di chuyển tài sản từ khu vực cháy đến nơi an toàn.

- Tổ 3: gồm 05 người sử dụng các phương tiện chữa cháy như các loại bình chữa cháy xách tay các loại để dập lửa ngăn chặn cháy lan sang các khu vực lân cận.

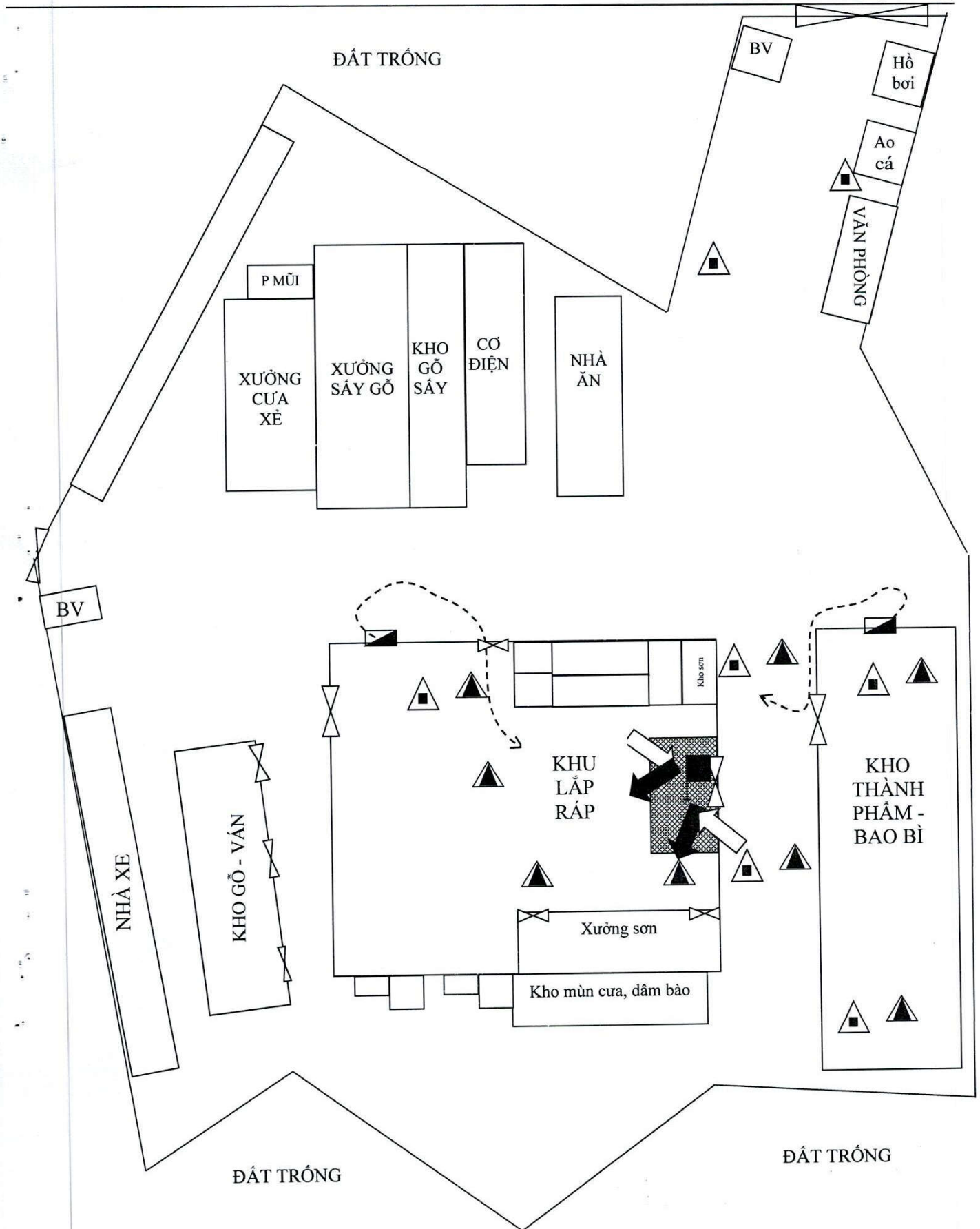
- Tổ 4: gồm 08 người triển khai đội hình máy bơm, sử dụng 02 họng nước chữa cháy vách tường để chữa cháy, ngăn chặn cháy lan và phun nước dập tắt đám cháy.

3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:



ĐƯỜNG NỘI BỘ CẤP KÊNH NĂM GIANG

ĐI ĐƯỜNG KÊNH NỔI



4. Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt để chữa cháy:

- Khi lực lượng Cảnh sát PCCC & CNCH đến điểm cháy, chỉ huy lực lượng chữa cháy tại chỗ báo cáo lại toàn bộ tình hình, diễn biến đám cháy, công tác chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ cho chỉ huy chữa cháy chuyên nghiệp biết.

- Hướng dẫn lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận vị trí đám cháy đang phát triển, vị trí nguồn nước chữa cháy, các hạng mục có trong cửa hàng để triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn các nạn nhân bị mắc kẹt bên trong, các vị trí có thể tiếp cận để lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp triển khai các đội hình chữa cháy.

- Tham gia vào Ban chỉ huy chữa cháy để cùng phối hợp với chỉ huy chữa cháy lực lượng chuyên nghiệp chỉ đạo công tác cứu chữa cháy một cách có hiệu quả cao.

- Chuẩn bị các điều kiện hậu cần như thức ăn, nước uống.... khi tình hình cháy phức tạp, thời gian chữa cháy kéo dài.

II. Phương án xử lý các tình huống cháy đặc trưng:

1. Tình huống 1:

- Cháy xảy ra vào lúc 15 giờ ngày x tháng y năm z tại khu vực xưởng cưa xẻ.
- Nguyên nhân: do vớt tàn thuốc gây cháy.
- Trong khu vực này chất cháy chủ yếu là: gỗ nguyên liệu, mùn cưa....
- Khi phát hiện cháy mọi người hốt hoảng tìm cách thoát ra bên ngoài. Ngọn lửa nhanh chóng bao trùm khu vực xưởng, khói tỏa ra dày đặc. Đồng thời do sự tác động của nhiệt làm sụp công trình nhà cửa gây cản trở việc di chuyển tài sản và chữa cháy.

*** Tổ chức triển khai chữa cháy**

Lực lượng PCCC cơ sở có 25 người do ông - Đội trưởng Đội PCCC cơ sở trực tiếp chỉ huy.

- Căn cứ tình hình diễn biến của đám cháy triển khai nhiệm vụ sau:

+ Tổ 1: gồm 02 người làm nhiệm vụ cúp điện toàn bộ công ty, đánh keng báo động toàn khu vực, điện thoại cho Cảnh sát PCCC & CNCH (**ĐT: 114, 069.3599566**), Công an TP Mỹ Tho và các đơn vị có liên quan đến hỗ trợ chữa cháy, đồng thời mở cổng đón xe chữa cháy và hướng dẫn lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận đám cháy và nguồn nước.

- Tổ 2: gồm 10 người, nhanh chóng hướng dẫn mọi người thoát nạn, tổ chức cứu người, đồng thời làm nhiệm vụ di chuyển tài sản từ khu vực cháy đến nơi an toàn.

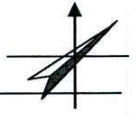
- Tổ 3: gồm 05 người sử dụng các phương tiện chữa cháy như các loại bình chữa cháy xách tay các loại để dập lửa ngăn chặn cháy lan sang các khu vực lân cận.

- Tổ 4: gồm 08 người triển khai đội hình máy bơm, sử dụng 02 họng nước chữa cháy vách tường để chữa cháy, ngăn chặn cháy lan và phun nước dập tắt đám cháy.

Khi lực lượng CS PCCC & CNCH đến địa điểm cháy. Người chỉ huy giai đoạn 1 báo cáo tình hình toàn bộ diễn biến của vụ cháy, công tác chữa cháy - cứu

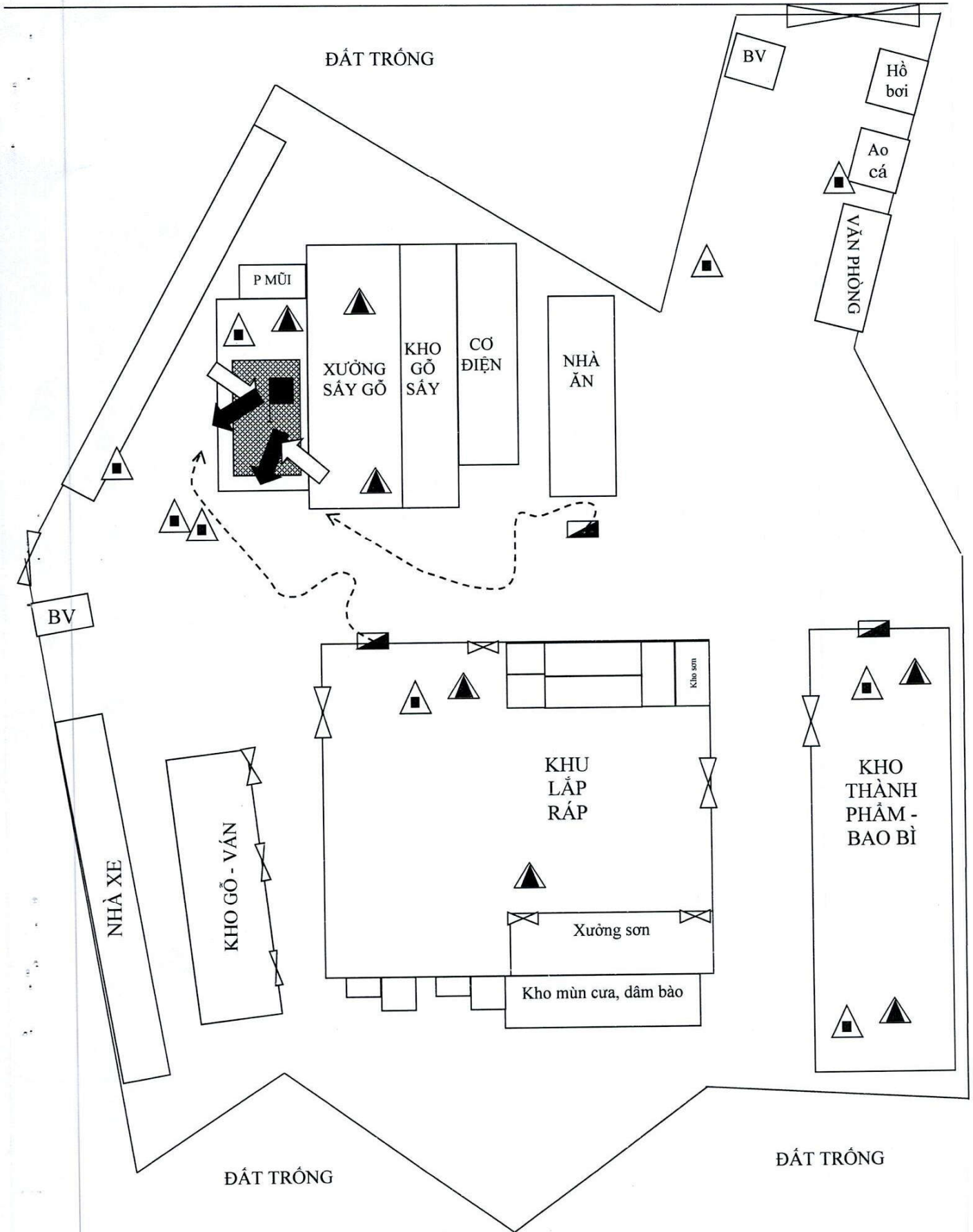
nạn, cứu hộ của các lực lượng tại chỗ cho chỉ huy chữa cháy chuyên nghiệp biết và tham gia trong ban chỉ huy chữa cháy tiếp tục chỉ huy lực lượng PCCC & CNCH tham gia chữa cháy – cứu hộ.

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN



ĐƯỜNG NỘI BỘ CẠP KÊNH NĂM GIANG

ĐI ĐƯỜNG KÊNH NỔI



2. Tình huống 2:

- Cháy xảy ra vào lúc 10 giờ ngày x tháng y năm z tại khu vực kho thành phẩm, bao bì.

- Nguyên nhân: Do chập điện phát sinh nguồn nhiệt gây cháy.

- Trong khu vực này chất cháy chủ yếu là: các loại nhựa, giấy, gỗ thành phẩm, bao bì các loại...

- Khi phát hiện cháy mọi người hốt hoảng tìm cách thoát ra bên ngoài. Ngọn lửa nhanh chóng bao trùm khu vực kho khói tỏa ra dày đặc. Đồng thời do sự tác động của nhiệt làm sụp công trình nhà cửa gây cản trở việc di chuyển tài sản và chữa cháy.

* Tổ chức triển khai chữa cháy

Lực lượng PCCC cơ sở có 25 người do ông - Đội trưởng đội PCCC cơ sở trực tiếp chỉ huy.

- Căn cứ tình hình diễn biến của đám cháy triển khai nhiệm vụ sau:

+ Tổ 1: gồm 02 người làm nhiệm vụ cúp điện toàn bộ công ty, đánh kèng báo động toàn khu vực, điện thoại cho Cảnh sát PCCC & CNCH (**ĐT: 114, 069.3599566**), Công an TP Mỹ Tho và các đơn vị có liên quan đến hỗ trợ chữa cháy, đồng thời mở cổng đón xe chữa cháy và hướng dẫn lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tiếp cận đám cháy và nguồn nước.

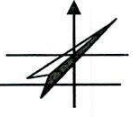
- Tổ 2: gồm 10 người, nhanh chóng hướng dẫn mọi người thoát nạn, tổ chức cứu người, đồng thời làm nhiệm vụ di chuyển tài sản từ khu vực cháy đến nơi an toàn.

- Tổ 3: gồm 05 người sử dụng các phương tiện chữa cháy như các loại bình chữa cháy xách tay các loại để dập lửa ngăn chặn cháy lan sang các khu vực lân cận.

- Tổ 4: gồm 08 người triển khai đội hình máy bơm, sử dụng 02 họng nước chữa cháy vách tường để chữa cháy, ngăn chặn cháy lan và phun nước dập tắt đám cháy.

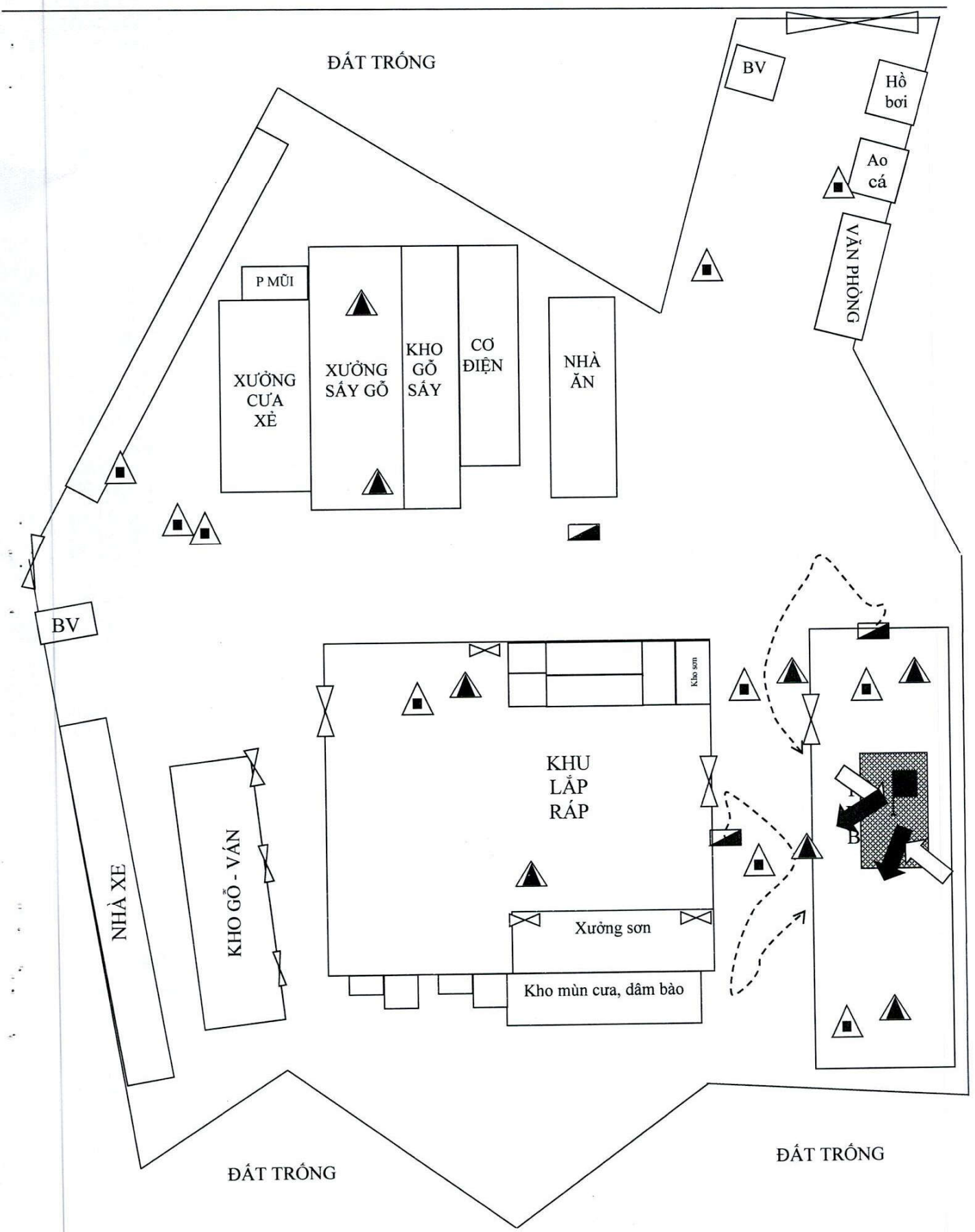
Khi lực lượng CS PCCC & CNCH đến địa điểm cháy. Người chỉ huy giai đoạn 1 báo cáo tình hình toàn bộ diễn biến của vụ cháy, công tác chữa cháy – cứu nạn, cứu hộ của các lực lượng tại chỗ cho chỉ huy chữa cháy chuyên nghiệp biết và tham gia trong ban chỉ huy chữa cháy tiếp tục chỉ huy lực lượng PCCC & CNCH tham gia chữa cháy – cứu hộ.

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LỰC PHƯƠNG TIỆN



ĐƯỜNG NỘI BỘ CẠP KÊNH NĂM GIANG

ĐI ĐƯỜNG KÊNH NỔI



D. THEO DÕI HỌC VÀ THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY⁽¹⁵⁾

Ngày, tháng, năm	Nội dung, hình thức học tập, thực tập	Tình huống cháy	Lực lượng, phương tiện tham gia	Nhận xét đánh giá kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Tiền Giang, ngày 09/12/2020
NGƯỜI PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Thượng tá Lê Thanh Long

Tiền Giang, ngày 04/12/2020
NGƯỜI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Dũng

HƯỚNG DẪN GHI PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY

Chú ý: Mẫu phương án chữa cháy có thể co giãn số trang tùy theo mức độ nội dung cụ thể.

(1) - Tên của cơ sở, thôn, ấp, bản, tổ dân phố, khu rừng, phương tiện giao thông cơ giới đặc biệt ghi theo tên giao dịch hành chính.

(2) - Sơ đồ mặt bằng tổng thể: Cần thể hiện rõ kích thước, tên gọi, đặc điểm sử dụng của các hạng mục, nhà, công trình, đường giao thông, nguồn nước trong cơ sở; vị trí và kích thước đường giao thông; vị trí và trữ lượng các nguồn nước chữa cháy tiếp giáp xung quanh. (Có thể sử dụng khổ giấy lớn hơn A4)

Đối với cơ sở là nhà cao tầng phải có thêm sơ đồ mặt cắt đứng và mặt bằng tầng điển hình.

(3) - Vị trí địa lý: Ghi sơ lược vị trí cơ sở nằm ở khu vực nào, cách trung tâm quận, huyện... bao nhiêu km; các công trình, đường phố, sông, hồ.... tiếp giáp theo bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc.

(4) - Giao thông phục vụ chữa cháy: Ghi đặc điểm các tuyến đường chính phục vụ công tác chữa cháy.

(5) - Nguồn nước chữa cháy: Thống kê tất cả các nguồn nước có thể trực tiếp phục vụ chữa cháy bên trong cơ sở và tiếp giáp với cơ sở như: bể, hồ, ao, sông, ngòi, kênh, rạch, trụ, bển lấy nước, hồ lấy nước..., ghi rõ khả năng lấy nước vào các mùa, thời điểm trong ngày; chỉ dẫn vị trí, khoảng cách tới các nguồn nước ở bên ngoài.

(6) - Tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc: Ghi rõ đặc điểm kiến trúc, xây dựng và bố trí các hạng mục công trình (số đơn nguyên, số tầng, bậc chịu lửa, diện tích mặt bằng, loại vật liệu của các cấu kiện xây dựng chủ yếu như tường, cột, trần, sàn, mái...; phân tích tính chất hoạt động, công năng sử dụng của các hạng mục công trình liên quan đến nguy hiểm cháy, nổ, độc, đặc điểm dây chuyền sản xuất, số người thường xuyên có mặt; nêu đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các chất cháy chủ yếu: Loại chất cháy, vị trí bố trí, sắp xếp, số lượng, khối lượng, đặc điểm cháy, yếu tố độc hại khi cháy, khả năng cháy lan ra khu vực xung quanh.

(7) - Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ: Ghi rõ tổ chức (tổ hay đội), người phụ trách, số lượng đội viên phòng cháy chữa cháy và số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy, số người thường trực trong và ngoài giờ làm việc.

(8) - Phương tiện chữa cháy của cơ sở: Ghi rõ chủng loại, số lượng, vị trí bố trí phương tiện chữa cháy (chỉ thống kê phương tiện chữa cháy đảm bảo chất lượng theo quy định).

(9) - Nội dung giả định tình huống cháy phức tạp nhất: Giả định tình huống cháy xảy ra ở khu vực dễ dẫn đến cháy lan, tạo thành đám cháy lớn, phát triển phức tạp đe dọa hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng của nhiều người, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, đồng thời gây khó khăn, phức tạp cho việc chữa cháy mà cần phải huy động nhiều người và phương tiện mới có thể xử lý được. Cần giả định rõ thời điểm xảy ra cháy, nơi xuất phát cháy và chất cháy chủ yếu, nguyên nhân xảy ra cháy, thời gian cháy tự do và quy mô, diện tích đám cháy tính đến thời điểm triển khai chữa cháy của lực lượng tại chỗ; dự kiến xuất hiện những yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc chữa cháy như: Nhiệt độ cao, nhiều khói, khí độc, sụp đổ công trình...; dự kiến vị trí và số lượng người bị kẹt hoặc bị nạn trong khu vực cháy.

10) - Tổ chức triển khai chữa cháy: Ghi rõ nhiệm vụ của người chỉ huy, của từng người, từng bộ phận trong việc báo cháy, cắt điện, triển khai các biện pháp dập tắt đám cháy, chống cháy lan, hướng dẫn thoát nạn và tổ chức cứu người, cứu và di tản tài sản; đón tiếp các lực lượng được cấp có thẩm quyền huy động đến chữa cháy; đảm bảo hậu cần và thực hiện các hoạt động phục vụ chữa cháy khác; bảo vệ hiện trường và khắc phục hậu quả vụ cháy.

(11) - Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy: Vẽ sơ đồ thể hiện rõ vị trí và kích thước đám cháy ở hạng mục của nhà, công trình hoặc khu vực cụ thể trong cơ sở; hướng gió chủ đạo; các vị trí bố trí triển khai lực lượng, phương tiện để dập cháy, chống cháy lan, hướng dẫn tự thoát nạn và tổ chức cứu người, di tản tài sản; hướng tấn công chính... (Các ký hiệu, hình vẽ trên sơ đồ thống nhất theo quy định).

(12) - Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt để chữa cháy: Ghi rõ những nội dung nhiệm vụ mà người chỉ huy chữa cháy tại chỗ cần phải thực hiện, trong đó chú ý đến việc báo cáo tình hình về đám cháy, công tác chữa cháy đang tiến hành và những việc liên quan với người chỉ huy chữa cháy thuộc cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khi người chỉ huy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đến đám cháy, nhiệm vụ tiếp tục tham gia chữa cháy và bảo đảm các điều kiện cần thiết nếu đám cháy có khả năng kéo dài.

(13) - Phương án xử lý một số tình huống cháy đặc trưng: Giả định tình huống cháy xảy ra ở từng khu vực, hạng mục công trình có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ khác nhau và việc tổ chức chữa cháy cũng khác nhau; các tình huống sắp xếp theo thứ tự "Tình huống 1, 2, 3..."; nội dung từng tình huống được ghi tóm tắt theo thứ tự và số lượng lực lượng, phương tiện của các bộ phận cần huy động và bố trí triển khai làm gì, ở vị trí nào; nội dung tóm tắt nhiệm vụ cơ bản của chỉ huy và đội viên ở các bộ phận trong cơ sở được huy động chữa cháy (Cách ghi tương tự như tình huống cháy phức tạp nhất và có sơ đồ chữa cháy kèm theo).


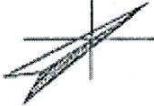

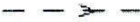





















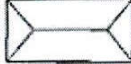

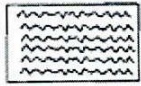



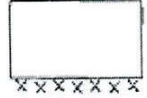


(14) - Bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy: Ghi rõ trường hợp thay đổi có liên quan đến việc tổ chức chữa cháy nhưng chưa đến mức làm thay đổi cơ bản nội dung phương án chữa cháy. Trường hợp có thay đổi lớn cơ bản làm ảnh hưởng đến nội dung phương án thì phải tiến hành xây dựng lại theo quy định.

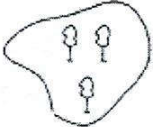





















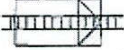












(15) - Theo dõi học và thực tập phương án chữa cháy: Ghi rõ việc đã tổ chức học và thực tập các tình huống cháy trong phương án, có sơ đồ bố trí lực lượng, phương tiện đã thực tập và đính kèm vào phương án chữa cháy này.

(16) - Chức danh người phê duyệt phương án chữa cháy.

(17) - Chức danh người có trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy, đối với phương án chữa cháy thuộc thẩm quyền phê duyệt cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thì người đứng đầu cơ sở ký tên, đóng dấu.

KÝ HIỆU, HÌNH VẼ DÙNG TRONG SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY

	THANG BA		HƯỚNG GIÓ
	THANG HỘP		LỐI THOÁT NẠN
	THANG MỘC		HƯỚNG ĐÁM CHÁY PHÁT TRIỂN
	THANG DÂY		HƯỚNG TẤN CÔNG CHÍNH
	MÁY HÚT KHÓI		NƠI PHÁT SINH CHÁY
	ĐÈN CHIẾU SÁNG		BỂ NỘI CHỨA XĂNG DẦU
	ĐIỆN THOẠI		BỂ NGẦM CHỨA XĂNG DẦU
	CỜ CHỈ HUY CHỮA CHÁY		BỂ NỬA NỘI, NỬA CHÌM CHỨA XĂNG DẦU
	ĐÁM LẦY		HỌNG NƯỚC CHỮA CHÁY
	SÔNG, NGÒI		NHÀ LÁ
	AO, HỒ		NHÀ TẦNG (2 TẦNG)
	BÉN LẤY NƯỚC		NHÀ KHUNG THÉP MÁI TÔN
	GIẾNG NƯỚC		NHÀ LỢP NGÓI
	BỂ NƯỚC CC 100M ³		KHU VỰC BỊ KHÓI
	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC VÒNG KHÉP KÍN CÓ ĐƯỜNG KÍNH D = 100M		KHU VỰC ĐÁM CHÁY
	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC CỤT CÓ ĐƯỜNG KÍNH D = 100M		NHÀ MỚI BÉN CHÁY
	CÂY		MÁY BƠM KHIẾNG TAY

	RỪNG		MÁY BƠM NỒI
	XE CHỮA CHÁY CÓ TẾC		ĐƯỜNG VỎI A CHỮA CHÁY
	XE CHỮA CHÁY KHÔNG TẾC (XE BƠM)		ĐƯỜNG VỎI B CHỮA CHÁY
	XE CHỮA CHÁY SÂN BAY		CUỘN VỎI RU LÔ CHỮA CHÁY
	XE CHỮA CHÁY RỪNG		ÔNG HÚT CHỮA CHÁY
	XE CHỮA CHÁY HÓA CHẤT		GIÕ LỌC NƯỚC
	XE CHỮA CHÁY XĂNG DẦU, DẦU KHÍ		LĂNG GIÁ
	XE CHỜ HÓA CHẤT		LĂNG A
	TÀU CHỮA CHÁY TRÊN SÔNG		LĂNG B
	TÀU CHỮA CHÁY TRÊN BIỂN		LĂNG PHUN BỘT
	XUÔNG, CA NÔ CHỮA CHÁY		LĂNG PHUN BỘT ĐỘ NỖ CAO
	XE THANG		LĂNG ĐA TÁC DỤNG
	XE NÂNG		LĂNG HƯƠNG SEN
	XE KỸ THUẬT		BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY BẢNG NƯỚC
	XE CHỜ NƯỚC		BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY BẢNG BỘT ABC
	BA CHẠC		BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY DÙNG KHÍ CO ₂
	HAI CHẠC		ĐẦU NỒI HỖN HỢP
	EZECTƠ		

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho xác nhận: Doanh nghiệp tư nhân SD đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: “Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD”, địa chỉ: Khu phố 3, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tại Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho vào ngày 26 tháng 8 năm 2016.

Doanh nghiệp tư nhân SD có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Xử lý các loại chất thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành cụ thể như sau:

- Bụi và khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

- Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung đạt QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chất thải rắn thông thường được quản lý theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ, quy định về quản lý chất thải rắn; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

Căn cứ Kế hoạch bảo vệ môi trường của Ủy ban Nhân dân TP Mỹ Tho số 26/2015/UBND-ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2015 và Chỉ thị chỉ đạo, yêu cầu về quản lý chất thải rắn và rác thải; Thông tư số 26/2015/TT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân TP Mỹ Tho về môi trường, về quản lý chất thải nguy hại.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: “Nhà máy sản xuất đồ chơi cho trẻ em và đồ gia dụng bằng gỗ SD” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Doanh nghiệp tư nhân SD để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Phòng TN&MT Tp Mỹ Tho;
- UBND Phường 9;
- Lưu: VT.



Phan Văn Hoàng

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn, điều chỉnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (cấp lại lần 1) số 280/GP-UBND ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp;

Xét đơn đề nghị của Công ty TNHH SD ngày 07/4/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3279/TTr-STNMT ngày 10/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH SD; địa chỉ trụ sở chính tại khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: làm nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất tại Công ty TNHH SD.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: giếng khoan GK1 đặt tại thửa đất của Công ty TNHH SD; tọa lạc: khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Tầng chứa nước khai thác: tầng Pliocen dưới (n_2^1).

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác: 45 m³/ngày đêm; trong đó: lưu lượng nước cho mục đích sinh hoạt: 24 m³/ngày đêm; lưu lượng nước cho mục đích sản xuất: 21 m³/ngày đêm.

6. Thời hạn khai thác: 04 năm, kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trực 105 ^o 45', múi chiều 6 ^o)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
GK1	1145411	569955	45	10	355	375	21,17	35	n ₂ ¹

Điều 2. Yêu cầu đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH SD:

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

6. Tổng hợp báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước, các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác và các kết quả quan trắc theo quy định hiện hành và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình khai thác công trình trên. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình, sụt, lún đất hoặc các sự cố bất thường khác thì phải dừng ngay việc khai thác, kịp thời xử lý, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại (nếu có); thông báo kịp thời tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tài nguyên và Môi trường và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng nước của đơn vị.

Điều 3. Công ty TNHH SD được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (cấp lại lần 1) số 280/GP-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH SD còn tiếp

tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / *Như*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH SD;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang;
- UBND TP Mỹ Tho;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P.KT (Lam).

5 N

KT. CHỦ TỊCH *moai*
PHÓ CHỦ TỊCH -



Phạm Văn Trọng

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và hồ sơ kèm theo có văn bản giải trình số 17897/VB-SD ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Doanh nghiệp Tư nhân SD, địa chỉ tại khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5819/TTr-STNMT ngày 14 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho Doanh nghiệp Tư nhân SD, địa chỉ tại khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được phép xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: kênh Nam Vang.
2. Vị trí nơi xả nước thải: địa chỉ tại khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Tọa độ xả nước thải (VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 6°): $X_{(m)} = 1145339$; $Y_{(m)} = 570146$.
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy theo đường ống PVC Ø 60mm, dài 15m, đầu vào đường ống nhựa PVC Ø 90mm, dài 10m, sau đó nối vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở Ø 600mm, dài 400m dẫn thoát vào kênh Nam Vang.
4. Chế độ xả nước thải: liên tục.
5. Lưu lượng xả nước thải: $35 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
6. Chất lượng nước thải: Thông số và giá trị nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải được phép xả vào nguồn nước không vượt quá giá trị tối đa cho phép (C_{max}); giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_t$, với $K_q = 0,9$, $K_t = 1,2$, giá trị C được quy định tại

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị C_{max}
			QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $Kq = 0,9$, $Kf = 1,2$
1	Màu	Pt/Co	50
2	pH	-	6 - 9
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	32,4
4	COD	mg/l	81
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
7	Sunfua	mg/l	0,216
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4
9	Tổng Nitơ	mg/l	21,6
10	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32
11	Clo dư	mg/l	1,08
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3000

7. Thời hạn giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối Doanh nghiệp Tư nhân SD:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận, cụ thể như sau:

a) Vị trí quan trắc:

- Vị trí quan trắc chất lượng nước thải trước xử lý: 02 vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (01 vị trí tại bể điều lưu nước thải sản xuất, 01 vị trí tại bể điều lưu nước thải sinh hoạt).

- Vị trí quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý: 01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận nước thải: tại vị trí xả nước thải vào kênh Nam Vang.

b) Thông số và tần suất quan trắc:

- Nước thải trước xử lý:

+ Thông số quan trắc đối với nước thải sản xuất: Màu; pH; BOD₅ (20⁰C); COD; Chất rắn lơ lửng; Tổng dầu mỡ khoáng; Sunfua; Amoni (tính theo N); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho (tính theo P); Coliform theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9, K_f=1,2.

+ Thông số quan trắc đối với nước thải sinh hoạt: pH; BOD₅ (20⁰C); Chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliform theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2

+ Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Nước thải sau xử lý:

+ Thông số quan trắc: lưu lượng; pH; BOD₅ (20⁰C); Chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliform.

+ Tần suất quan trắc lưu lượng: 24 giờ/lần.

+ Tần suất quan trắc chất lượng: 06 tháng/lần.

- Nước nguồn tiếp nhận (Quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1):

+ Thông số quan trắc: pH; Ôxy hòa tan (DO); COD; BOD₅ (20⁰C); Amoni (NH₄⁺) (tính theo N); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Nitrit (NO₂⁻) (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng dầu, mỡ (oils & grease); Chất hoạt động bề mặt; Coliform.

+ Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

3. Vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình thiết kế, đảm bảo chất lượng nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9, K_f=1,2 khi xả ra nguồn tiếp nhận.

4. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

5. Hằng năm (trước 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Doanh nghiệp Tư nhân SD được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi tình hình sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận của Doanh nghiệp Tư nhân SD theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 5. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Doanh nghiệp Tư nhân SD còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /10/1

Nơi nhận:

- PCT Phạm Anh Tuấn;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Doanh nghiệp Tư nhân SD;
- VPUB: PVP Nguyễn Hữu Đức, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn.

3

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nghĩa